

PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : NGUYỄN-VỸ

197
15-8-1967

nam
1995
1957

midol

THUỐC VIÊN BỌC ĐI NG
TRI • ĐAU NHÚC, CẢM CỨU
ĐAU LƯC KINH VỊ

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

ĐÓP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX số 197 * 15-8-1967

1 — Bức tranh vân cầu	Nguyễn-Vỹ	5 — 9
2 — Bài thạch vi huyh	Phạm-văn-Sơn	10 — 15
3 — Nguyễn-Cần (thơ)	Lữ-Quỳnh	16
4 — Một người sung sướng	Kim-Phượng	17 — 22
5 — Những mắt không lồ	Bằng-Thảo	23 — 34
6 — Bước đường cùng	Đặng-Doanh	35 — 42
7 — Tuổi chàng trai	Nguyễn-Vỹ	43 — 47
8 — u hoài (thơ)	Thế-Lan	48 —
9 — Matahari	Tân-Phong	49 — 52
10 — 9 ngày ở trung tâm 3	Nguyễn-thu-Minh	53 — 59

11 — Con chó phải	Ông giáo Phan	60 — 62
12 — Trúc mọc	Nguyễn-Hữu	63 — 66
13 — Yamashita	Nguyễn-tân-Bi	67 — 73
14 — Minh ơi !	Diệu-Huyền	74 — 86
15 — Thao thức	Diệu-Nga	87 — 88
16 — Thu Hiền	Phan-thị Thu-Mai	89 — 93
17 — Thư bạn đọc, đáp bạn bốn phương	D.H	94 — 98



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung-của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

★ Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
 ĐỒNG NAI 270 Đà-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

■ Our general agent in Europa & Africa

LONG.HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
 Vente—abonnements — P_ublicité)

BỨC TRANH VÂN CẦU

TRẢ LỜI CÔ LÊ-THỊ-SƯƠNG:

**« Thế nào là
 Bàu-cử' tự-do, công bằng,
 lành mạnh » ?**

Mến trao về bạn đọc
 LÊ-THỊ-SƯƠNG (Cần-thơ)

BA N tham-lam quá vậy! Trên bốn trang giấy bạn đặt cho tôi 12 câu hỏi mà bạn lấy tư-cách thay mặt một nhóm Phụ-nữ Cần-thơ yêu-cầu tôi phải trả lời trên bốn trang báo *Phồ-Thông* ! Nhưng trên bốn trang P.T. , tôi xin trả lời một câu hỏi thôi. Còn 11 câu kia dính-liu đến cá-nhân và «đường lối» riêng của Ông Kỳ, Ông Sửu, Ông Hương, Ông Quát, sao các bạn không viết thư hỏi riêng họ, mà lại hỏi tôi?

Vậy tôi xin phúc-đáp duy nhất câu hỏi thứ nhất của các bạn :

—«Tụi em đọc các báo, nghe rất quen tai những

lời quý ông Kỳ, ông Thiệu, ông Sửu, với tinh cách Chủ-tịch chính phủ Quốc-gia, Chủ-tịch Quốc-hội, ông nào cũng lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần lời tuyên-bố sẽ tổ-chức « bầu cử tự do, công bằng, lành mạnh » trong cuộc bầu cử Tổng-thống, Phó TT Thượng-nghị-viện. Nhưng tui em chờ mãi chưa bao giờ được nghe quý vị ấy cho dân chúng biết rõ thế nào là « bầu cử tự do, công bằng, lành mạnh? » Vậy em còn mong nơi ông, người mà từ trước tới nay tui em luôn rất cảm phục và rất tin tưởng nơi những lời văn tự do, công bằng, lành mạnh phô bày thẳng-thắn trên mặt báo Dân Ta và tạp chí Phổ-Thông. Nay tui em yêu cầu ông giảng giải riêng cho tui em một bài dài ít nhất là 4 trang Phổ-Thông (em không dám vòi nhiều như bà Tú yêu quý của ông đâu !):

« Thế nào là Bầu - cử tự - do, công - bằng, lành mạnh » ?

« Tui em sẽ nghe theo lời chỉ-bảo của ông để tui em chuẩn bị chọn người mà tui em sẽ bỏ phiếu bầu cử Tổng-thống, Phó Tổng-thống, và Thượng-nghị-viện. Em tin rằng ông là người không lừa bịp tui em, với những tư-tưởng không mị dân, không nói dóc, không làm áp-lực bằng tuyên-truyền, v.v... »

— Tôi biết chút gì xin nói chút đó về câu hỏi của các cô :

★ 1. — **Bầu-cử tự-do**, là chính quyền cũng như các ứng-cử-viên sẽ để cho Nhân-dân cử-tri toàn quyền xử-dụng lá phiếu của mình, theo sở thích lựa chọn riêng của mình.

Bầu-cử tự-do là chính-quyền và Ứng-cử-viên không dùng bất cứ một áp-lực nào, bằng thế lực, bằng địa-vị, bằng uy quyền, bằng tiền bạc, để áp-đảo tinh thần của cử-tri. Bầu-cử tự-do, là không

hăm dọa cử-tri buộc họ vì sợ sệt mà phải bỏ phiếu cho ứng-cử-viên của một đoàn-thể nào, của một đảng-phái nào, của một cá-nhân nào.

Cho nên, bầu cử theo lối độc-tài Cộng-sản, là bầu cử không tự-do. Bầu cử theo lối độc-tài phong kiến Ngô-dinh-Diệm, cũng là bầu cử không tự do.

Ở miền Nam tự-do của Việt-Nam Cộng-Hòa, chúng ta đang đánh Cộng-sản độc tài xâm lăng. Không lẽ các ứng-cử-viên của chúng ta lại theo Cộng-sản bầu-cử bịp bợm không tự-do hay sao ?

Chế-độ độc-tài mị-dân khả-ố khả-bĩ của Ngô-dinh-Diệm đứng vững được 9 năm, là nhờ bầu-cử bịp bợm, không tự do. Nhưng được 9 năm thôi ! Rồi Quân đội Cách-mạng và Nhân-dân Cách-mạng bị cầm thù dồn ép, đã tạo ra cơ hội để nổi dậy giết chết chế độ không tự-do, bắt chước độc tài Cộng-sản.

Nếu ở miền Nam tự-do của chúng ta, các ứng-cử-viên dựa vào thế lực đảng-phái, đoàn-thể, địa-vị tiền-bạc, v.v... mà bầu cử bịp-bợm, lừa dối, không tự-do, thì chắc chắn sẽ làm mồi cho Cộng-sản, sẽ bị Cộng-sản nuốt mất. Vì **Cộng-sản nhất định sẽ thua Tự-do**, nhưng Cộng-sản sẽ thắng độc-tài phong-kiến.

Vì thế, nên các nước bạn Đồng-minh của Thế-giới Tự-do, đã tuyên-bố cho Nhân-dân ta biết rằng họ thiết tha cầu mong có bầu-cử tự-do để thắng Cộng-sản.

Đó là ý nghĩa của Bầu-cử tự do.

★ **2. — Bầu-cử công-bằng;** là toàn thể Nhân-dân đứng trước Pháp-luật, đều bình-đẳng. Không ai hơn ai về bổn-phận, về trách-nhiệm. Toàn thể Nhân-dân miền Nam Tự-do đều yêu nước, không ai có quyền tự phụ yêu nước hơn ai.

Vi vậy, những người ra ứng cử chức-vụ này nọ, đều được coi là bình-đẳng như nhau cả. Không ai có thể tự dành quyền ưu tiên lấn lướt ai.

Bầu-cử công bằng, là tất cả ứng-cử-viên đều được hưởng quyền xử dụng đầy đủ phương pháp và đầy đủ phương tiện như nhau để kêu gọi cử-tri lựa chọn mình.

Bầu-cử công bằng là như bên Pháp, tướng De Gaulle đang còn ở địa vị Tổng-thống, ra tái cử nhiệm kỳ mới cùng 5 liên danh khác tranh đua quyết liệt, mà De Gaulle cũng chỉ được 59% tổng số cử-tri mà thôi. De Gaulle không lợi dụng địa vị Tổng-thống của mình mà lấn-áp các liên-danh Mitterand Canuet, Faure, v.v.. Đó là bầu-cử công bằng.

Bầu-cử công-bằng là ứng-cử-viên của một đảng lớn cũng như một đảng nhỏ hơn, đều được tất cả các phương-tiện công-bằng trong việc vận-động tranh cử, loại trừ tất cả mọi thứ kỳ-thị địa phương, kỳ-thị tôn-giáo, kỳ-thị giai-cấp.

Đó là ý-nghĩa bầu cử công bằng.

★ **Bầu cử lành mạnh** là không phải bầu-cử gian-lận, như các cuộc bầu cử dưới thời độc-tài phong-kiến Ngô-đình-Diệm, hoặc như bầu cử của độc-tài Cộng-sản. Bầu cử lành mạnh, là tôn

trọng những phương-tiện trung-trực, ngay-thẳng chính-dại quang-minh, thanh-thiên bạch-nhật.

Bầu cử lành mạnh, là không dùng mưu mô thủ-đoạn, phương-tiện mờ ám. Bầu cử lành mạnh, là coi thùng phiếu của Nhân-dân là thiêng-liêng, bất khả xâm-phạm, vì thùng phiếu đó chứa đựng ý Dân, ý Trời.

Vi vậy, nếu có bầu cử gian-lận như thời Ngô-đình-Diệm, như chế-độ Cộng-sản, tức là khinh miệt Nhân-dân, coi rẽ ý-nguyện của đồng-bào, khinh rẽ lá phiếu của cử tri.



Cô bạn đọc giả thân mến,

Vi những lý-do trên, mà quý vị Chủ-tịch Chính-phủ, Chủ-tịch Quốc-gia, Chủ-tịch Quốc-hội, đã nhiều lần tuyên bố trước Lịch-sử, và trước dư luận thế giới rằng Việt-Nam tự-do sẽ tổ chức bầu cử tự do, công bằng, lành mạnh.

Vậy các cô cứ an lòng vững dạ đi bỏ phiếu cho vị ứng-cử-viên nào mà các cô tin rằng «không bịp bợm, không nói dóc, tuyên truyền mị dân...» như cô viết trong thư.

Thân mến chào các cô
N.V.

Bài phú

Bái thạch vi huynh

một bài phú

lịch-sử

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo và hết)

Trước khi trình bày các bạn bản diễn nôm của bài phú « Bái thạch vi huynh » chúng tôi thấy cần giải thích mấy điểm chính của bài này như sau :

1) Cụ Nguyễn-thượng-Hiền hay Đặng-Nguyên-Cần ra bài « Bái thạch vi huynh » lấy vần : « Thạch bất năng ngôn tín khả nhân » nghĩa là Đá tuy không biết nói nhưng có thể tin rằng xứng đáng với Người. Đã có ý nêu một điển-tích liên-hệ đến vấn đề cứu quốc, đến những

thắc-mắc đối với thời sự. Ý của các cụ nhằm vào sự kích thích, tinh-thần liêm-sĩ và đấu tranh của sĩ-tử trong một giai đoạn lịch sử đang rất bi thảm của nước nhà vì lúc này chúng ta mất nước hay đang bị giặc Pháp cướp gần hết đất nước. Nếu khóa sinh biết điển-tích bài thạch vi huynh thì hiểu ngay quan trường muốn hướng dẫn họ đến đâu và có thể nắm trọn ngay được chủ đề. Ai không biết điển tích dĩ

BÀI PHÚ LỊCH-SỬ

nhiên không biết đàng nào mà mò.

2) Điển tích nói đây là : trong sách « Lương-kê mạn chí » đời Tống có người Mễ-Phế ở đất Tương-dương tên tự là Nguyễn-Chương, hiệu là Lộc-Môn cư-sĩ (lại gọi là Hải Nhạc ngoại lai hay Mễ-Điền) làm quan ở Nhu Tu nghe có một hòn quái thạch nổi lên ở cái đập giữa sông không biết từ đâu đến.

Mọi người đều lấy làm lạ. Ông cho người chuyên về Châu-trị để làm cảnh ngắm chơi. Khi đá được khiêng về đến Châu, ông tỏ vẻ sợ hãi sai giải chiếu ở ngoài sân thục lạy nói rằng : « Ta thấy thạch huynh đã hai chục năm rồi ! »

Thực ra Mễ-Điền có lẽ là một con người giả diên vì thời-cuộc, thế sự mà ta từng gặp trong số nho-giả bất-mãn của Tàu xưa kia. Họ Mễ muốn trực tiếp hay gián tiếp nói lên rằng ta lạy đá làm anh vì đá im lặng, đá có chí lớn, đá tượng-trung cho tinh-thần bất khuất, đá không a-dua với người đời nhem nhuốc...

3) Phan-bội-Châu làm bài phú có 7 vần đã bỏ lại vần cuối «vần

nhân » cũng có ý khích lại Nguyễn-thượng-Hiền hay Đặng-nguyên-Cần là người ra đầu bài một cách rất tế-nhị như trả lời rằng : ngày xưa có một Trang-nguyên làm phú bỏ chữ « Tâm » là tại làm sao, tôi cũng biết như ông, nay tôi bỏ vần « nhân » thì ông cũng hiểu tâm sự của tôi thế nào đấy... (ông Trang bỏ vần « Tâm » ngày xưa để chỉ trích tâm địa của nhà vua). Nguyễn-thượng-Hiền thấy mất vần « nhân » hiểu ngay ý của tác-giả. do đó mới phê vào bài như trên. Để trả lời rằng dưới mắt ông không còn ai xứng đáng làm người hay sao mà bỏ lại câu vần « Nhân » ? Tri-kỹ gặp tri-kỹ đến thế là kỳ thú vậy !

Rồi qua bài phú « Bái thạch vi huynh » họ Phan có ý vận động Nguyễn-thượng-Hiền ra làm cách-mạng, sau đó đôi bên gặp nhau tại nhà cụ Đốc học Đặng-nguyên-Cần và quyết định phát động cuộc Đông-du, đưa thanh niên ra ngoại quốc cầu học và vận động cách-mạng.

Xin dịch Nôm từng đoạn của bài phú như sau :

I Văn thạch

Du hải thương giang
Đạo phùng hoàng thạch
Liêm khước trần dung
Túc thử kiệt khách

Tương lãng tăng chi ngạo cốt,
chỉ ung trưởng ngã thập niên.

Ấp lỗi lạc chi kỳ tư, liêu phục
nhượng quân bán tịch.

Là : Chơi ở ngoài bến sông
Thương, giọt đường gặp núi
Hoàng-thạch, hình dung trần tục
bền nghiêm chỉnh tỏ lòng kính
vị khách kiệt cốt cách ngang
tàng chỉ hơn ta chừng 10 tuổi.
Ta vái chào người lỗi lạc và xin
nhường ngài nửa chiếu.

II Văn bát

Diệp dĩ :

Thạch chi vi vật
Nguy nguy ngật ngật
Thái thượng nhân chi vong tình
Đại trọng phu chi bất khuất

Kinh thiên tác trụ, tiêu vạn
cổ chi cương thương Trích địa
thành thanh (1) hưởng lưỡng
gian chi văn bút (2). kiến chỉ,
kiến chỉ, huynh dã phỉ tha !
Kính chi, kính chi, bá hồ cảm
bất.

Là :

Vốn cũng đã :
Núi đá là vật
Cao xa vọi vọi
Bạc thái thượng không tình
Đại trọng phu không khuất.

Làm cột đứng sừng sững giữa
trời nêu cương thường cho
muôn đời. Ném xuống đất
thành tiếng vàng tiếng ngọc
giữa hai khoảng trời đất gặp
đây, gặp đây, đúng là ông anh
rồi, chẳng phải ai đâu, kính
mến vô cùng, dám đâu không
lay !

III Văn Năng

Trời hoặc :

Tinh lam phồng,
Viễn trục đặng
Nham yêu tủng nhi tiệm khản,
Sơn kiên tủng nhi song lãng
Thí hoán kha kha, định điềm
đầu sĩ trương hira,
Phi hiềm lục lục, khỉ chiết yêu
(3) nhi bất năng.

Là : Hoặc có khi : tìm ngọn
núi quang không mây mù, lên
chơi trên đỉnh, sườn núi cao
và hơi giốc, hai vai núi gồ lên,
thử gọi là anh, nhất định gặt
đầu mà nhận, chẳng hiềm ít ỏi,

há vì khom lưng mà không
chịu.

IV Văn ngôn

Phùng quân bán diện
Thỉnh ngã nhất ngôn
Di phong tử nguyệt
Phụ kiên mẫu Khôn.

Duy quân dã, sương vi yêu,
ngọc vị tủy,
Duy ngã dã, thiết vi cốt, băng
vi hồn
Thỉnh xai bá thị chi cư, thiên
bách niên tiên hà xứ ?
Hợp tư tưởng công chi xỉ, thập
nhị hội nhi vi nguyên.

Là : gặp ngài đây, xin nghe
tôi một lời, di gió chị trăng,
cha trời mẹ đất, chỉ có ông
thôi, sương móc làm lưng, ngọc
làm tủy chỉ có tôi thôi, sắt làm
cốt, giá làm hồn. Xin phỏng
đoán nhà của ông anh ngàn
năm trước ở xứ nào ? — Hợp
lại các tuổi của ông anh thì 12
hội là một nguyên (129 600 năm).

V Văn Tán

Tự ngoạn tự si
Diệp hào diệp tuần
Cổ miễn tương liên
Ngang tàng độc tin
Nhược can niên bất khuất tất,
chỉ ung vũ vũ lương lương

Kiến tân nguyệt tiện hạ giai,
trương đối tuần tuần lặn lặn,

Là : mình trong, mình ngu nhưng
cũng là anh hào, tuần kiệt, ngộ
nhau mà thương nhau, ngang
tàng ta tin lấy ta. Nếu bao nhiêu
năm không chịu quý gối khom
lưng, chỉ nên thui thủi một
mình. Nay thấy trăng mới bèn
xuống thêm mà lay. Đối nhau
cung kính.

VI Văn khả

Vạn trục huê quy
Bán song bồi tọa
Đông hải thổ thôn (4)
Bồng lai hữu tả
Thác tân hoa nhi ngũ sắc. khả
nhân khả nhân
Uẩn mỹ phác chi liên thành,
loại ngã loại ngã.

Toại tính :

Vong hình hài
Duyệt u nhã,
Lạc hữu huynh hiền
Diệp viết bá khả,
Vị thừa nguyệt nhi cử hồ báo,
Xích bích thuyên đầu
Thả tâm phong nhi ấp thân
tiên, Cốc thành sơn hạ.

Là : muôn ngọn núi giắt về,
bèn cửa sổ hầu kẻ. Biển đông
gió mạnh. Bồng lai hai bên tả

BÀI PHÚ LỊCH SỬ

hữu. Gửi vào hoa mới 5 sắc hợp với lòng người. Bọc bên trong ngọc tốt giá liêu thành, giống như ta, bên khiến quên hình hài, thích u-nhã mừng có ông anh hiền, lạ là phải lắm « chỉ cụ Nguyễn thượng-Hiền ». Chưa cười bóng trăng, ngồi trên hòn đá hình hổ, hình báo. Đứng đầu thuyền thả trên dòng Xích.Bích, hồng gió mà bài bạc thần tiên ở chân núi Cốc-thành.

VII Văn Nhân

(không có chữ Nhân làm văn)

Nãi hữu :

Khâm thương vũ

Ngạo hồng trần

Dăng hung tác bát cửu Vân-mộng

Kết lư ư vạn hác tùng quân

Hỷ Mễ huynh chị vị lão

Chiêu Thạch tinh sĩ vị lân

Tam sinh điển hải chi lao,

nguyện ngôn tương bá,

Nhất phiến bồ thiên chi lực,

hữu hạnh phùng quân.

Câu Kết :

Đệ

Tương túc y quan nhi chính bại
Ký tứ hải dĩ vi xuân.

Là : Bên có, kính trọng trời
xanh, ngạo nghề bụi đỏ, rửa

lòng thì đã có chăm Vân-mộng rộng trăm dặm. Dựng nhà ở chỗ cây tùng cây trúc trong muôn khe núi. Mừng rằng bác Mễ chưa già. Mời họ Thạch đến làm hàng xóm. Công khó nhọc ba sinh lấp biển xin nói đem giúp bác. Góp một chút sức và trời, may được gặp ông. Xin chính tề mũ áo mà lấy hẹn bốn bề cùng vui.

Chú thích

(1) Tấn thư chép : Tôn Xước làm bài phú rất hay đưa cho Phạm văn Kỳ coi. Kỳ nói : bài phú tuyệt hay ném xuống đất thành tiếng vàng ngọc (Trình địa tác Kim ngọc Thanh).

2 - Sách Văn tâm điều long viết : Đời nay thường nói có văn có bút là vì có văn là văn, không văn là bút.

3 - Ông Đào-Tiền làm quan Tề ở Bành trạch có quan Khâm sai đến, nha lại vào báo xin ngài mũ áo ra chào. Đào than rằng: «Ta không thể vì 5 đấu gạo mà khom lưng cúi đầu... Rồi Đào từ quan về nơi cố-lý sống với điền viên.

4 - Ý nói cái hình dung, cái khí thế mạnh mẽ.

BÀI PHÚ LỊCH SỬ

Đời nay cũng gọi lời nói không trực triệt là thôn thổ.

(Theo Từ-Nguyên).

5 - Lục lục : Sách Lão-tử có câu : «bất dục lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch» nghĩa là không muốn ít như ngọc, nhiều như đá.

6 - Cốc thành là tên núi ở huyện Đông-A, tỉnh Sơn-Đông. Ông lão ngồi trên cầu bảo Trương-Lương rằng : hòn đá vàng ở chân núi Cốc-thành là ta đó.

7 - Trong phú Xích bích có câu : Cừ hồ báo đăng cầu long là ngồi trên tảng đá hình con hồ con báo, treo lên cành cây cong như con rồng.

8 - Vân-mộng là tên hai cái chằm ở tỉnh Hồ-Bắc và Giang-Nam. Ở Giang-bắc là chằm Vân, ở Giang-Nam là chằm

Mộng vuông rộng tám chín trăm dặm.

9 - Điền hải là lấp bể, theo tích chim Tinh-vệ lấy đá, gỗ ở núi Tây-sơn lấp biển đông. Có sách nói thêm rằng : con gái Viêm-đế chết đuối hóa làm chim Tinh vệ lấy chim Hải-yến sinh ra con cái gọi là Tinh-vệ. (Dị thuật Kỳ). Văn chương Trung-quốc gọi Tinh-vệ là oan-cầm và dùng điển Tinh-vệ để tả những mối trường-hận (sách Bắc vật chí).

10 - Bồ thiên là vá trời, theo điển bà Nữ-Oa rèn năm sắc đá để vá trời. Đời sau lấy điển này để chỉ việc vãn hồi thế-vận qua hai chữ bồ thiên (sách Hoài-nam-tử).



* Tội nghiệp Ba !

Bé Hồng 8 tuổi tâm sự với bé Hùng 9 tuổi ở cạnh nhà :

— Mấy biết hôn ? Ở nhà, tao có phòng ngủ riêng, chị Hai tao có phòng riêng, anh Tư tao có phòng ngủ riêng. Bà ngoại tao cũng có phòng ngủ riêng. Tội nghiệp cho Ba tao quá, nhà hết phòng nên ông phải ngủ chung phòng với má tao !

NGUYÊN CẦU

Bằng nước mắt của cả đời con gái
em xin đem cầu nguyện cho anh
rừng sẽ sáng như mặt trời thần thoại
và thân anh êm mát gió thiên đường
tay em đó xin anh dùng để hái
những niềm vui và hy vọng của mình
cho em mãi tóc còn xanh trẻ dại
đề đời đời bối rối trên môi anh
thơ hãy ngọt như trái rừng mới chín
chìm hãy ca như vĩnh viễn... bình minh
và anh, anh phải sống rất bình yên.

còn nước mắt là lời kinh buổi tối
nơi xa xôi anh có mắt linh hồn ?
tiếng súng bỗng thanh bình như thú tội
em nghẹn ngào nghe nhớ vút bay cao...
quê hương nhỏ mà niềm đau lớn quá
nên từng đêm em khờ sở vô cùng
yêu tổ quốc, yêu anh — và nhỏ dại
em đã buồn bằng Bến Hải bi thương
anh sẽ đẹp như vàng trắng treo núi
sáng mông lung trên lãnh thổ huy hoàng
em không tiếc những mùa xuân con gái
đã mất theo đời vì quá âu lo

ước nguyện đó không thể thành vụng dại
xin anh yêu cất kỹ một bên lòng.

LỮ - QUỲNH

MỘT NGƯỜI SUNG-SƯỞNG

★ KIM-PHƯỢNG

THU xếp cuộc đời cho
người khác là một
việc làm khá nguy
hiểm. Thường khi tôi vẫn lấy
làm lạ lòng kẻ sức tự tin của
các chính trị gia hay cách mạng
gia hay những người tương tự
họ sẵn sàng buộc đồng bào mình
theo những tiêu chuẩn đến có
thể đổi cả cung cách, tập quán
hay quan niệm. Bao giờ tôi cũng
do dự trong việc cho ý kiến, bởi
vì làm thế nào mà mình bày vẽ
được người ta đương hành động

cho đúng, trừ khi là mình hiểu
họ như hiểu mình ? Có họa Trời !
Tôi, tôi chưa hiểu hết được rồi.
Tôi đâu có hiểu gì được người
khác, Chúng ta chỉ có thể đoán
được tư tưởng và tình cảm của
láng giềng chúng ta thôi. Mỗi
chúng ta là một tù nhân trong
tháp ngà quanh quẻ và liên lạc
cùng các tù nhân khác, — là
nhân loại — bằng những dấu hiệu
ước lệ. Mà những dấu hiệu đó
đâu có hoàn toàn mang một ý
nghĩa cho tất cả mọi người. Và

cuộc đời, rồi thay ta chỉ có thể sống được một bận mà thôi ; rồi làm không bao giờ chữa lại được. Tôi là gì mà tôi dám bảo người này người kia, sống thế này thế nọ ? Cuộc đời là một công cuộc khó lắm, đời của tôi mà tôi còn thấy khó làm cho tròn đầy viên mãn thì tôi đâu dám dạy cho láng giềng tôi sống đời họ thế nào. Nhưng có những người, trước một cuộc hành trình họ vô cùng bối rối, họ thấy con đường trước mặt khó khăn, và tôi bị buộc lòng phải chỉ như ngón tay định mệnh. Đôi khi, người ta lại đến hỏi tôi : với cuộc đời tôi, tôi sẽ làm gì ? thì tôi chợt thấy mình như bị cuốn trong chiếc áo choàng đen của Định Mệnh.

Chỉ có một lần tôi biết tôi khuyển lời hay.

Hồi đó tôi còn trẻ, tôi ở trong một căn nhà thường thuê ở tại Luân Đôn gần nhà ga Victoria. Gần tối một chiều nọ, tôi vừa định kiểm điểm để thấy mình làm gần trọn được công việc một ngày qua, thì chợt nghe tiếng chuông reng. Tôi lại mở cửa thì thấy một người lạ mặt. Ông ta

hỏi tên tôi. Tôi nói tên. Ông ta xin lỗi hỏi có thể vào nhà tôi được chăng ?

— « Dạ được chứ. »

Tôi đưa ông ta vào phòng khách, mời ngồi. Dường như ông ta hơi bối rối. Tôi mời ông hút thuốc, ông ta loay hoay đốt thuốc quên cả lấy mũ xuống. Ông ta đốt xong điếu thuốc rồi tôi hỏi là để tôi cất cái mũ tới chỗ ghế ông có được không ? Ông ta vội lấy mũ đặt xuống ghế, loay hoay lại làm rơi cây dù của ông ta.

Ông ta nói :

— « Tôi mong rằng ông không ngại việc tôi đến tìm ông như thế này. Tên tôi là Stephens, tôi là một Y-sĩ. Tôi chắc ông cũng ở trong ngành y khoa ? »

— « Vâng, nhưng tôi không hành nghề. »

— « Tôi biết. Tôi vừa mới đọc một cuốn sách của ông nói về xứ Tây Ban Nha và tôi muốn hỏi thăm ông về nước đó. »

— « Tôi sợ rằng quyển sách của tôi không được hay. »

— « Ông biết ít nhiều về Tây

Ban Nha, chứ những người tôi quen thì chả ai biết gì nước đó cả. Tôi nghĩ rằng « ông không ngại gì chỉ giáo cho tôi vài điều. »

— « Dạ hân hạnh lắm chứ. »

Ông ta yên lặng một lát. Đoạn vội lấy chiếc mũ cầm trên tay tay kia lơ dĩa xoa xoa trên chiếc mũ. Tôi đoán là ông ta làm thế để đỡ bối rối.

— « Tôi mong là ông đừng lấy làm kỳ dị sao một người lạ hoàn toàn với ông lại đến nói chuyện gì cùng ông ». Tôi đây ông ta cười, nụ cười xin lỗi. « Không phải tôi tới đây để kể cuộc đời tôi cho ông nghe đâu. »

Mỗi khi có ai nói như vậy là tôi đã hiểu họ sẽ làm gì. Tôi không quan tâm, Tôi thích nghe câu chuyện này.

— « Tôi được hai bà cô già, nuôi cho khôn lớn. Tôi chưa từng đi đâu. Tôi chưa hề làm gì. Tôi có vợ, đã sáu năm nay. Tôi không có con. Tôi là một Y-sĩ, của Bệnh Viện Camberwell. Tôi không thể bám vào đó nữa. »

Có một cái gì rất xúc động trong những câu nói ngắn, ngắt

quãng của ông ta. Như rất quyết định. Tôi chưa nhìn kỹ ông ta. Lúc này thì tôi tò mò quan sát. Ông ta người nhỏ và mập béo, khoảng độ 30 tuổi, khuôn mặt tròn, đỏ, đôi mắt đen và rất sáng. Tóc đen, hớt sát nên chiếc đầu tròn như viên đạn. Ông ta mặc bộ đồ xanh cũ không đáng mặc, nó phình chỗ hai đầu gối và mấy cái bọc thì bung ra luộm thuộm.

— « Ông cũng biết là trong nhà thương thì Y-sĩ có những buồn phận gì rồi. Ngày này nó giống hệt như ngày kia. Và rồi cả đời tôi chắc cứ vậy. Ông thấy có đáng chi không ? »

Tôi đáp :

— « Đó là phương tiện cho sinh kế. »

— « Vâng, tôi biết. Tiền thì cũng khá eần. »

— « Tôi không hiểu rõ ông tìm tôi có việc gì. »

— « À vâng, tôi muốn biết, theo ông, ông thấy một Y-sĩ người Anh có cơ hội để làm ăn ở Tây Ban Nha chăng ? »

— « Dạ sao lại Tây Ban Nha ? »

— « Tôi không biết nữa, tôi chỉ thấy thích nó ! »

— « Ông biết là nó không như Carmen. »

— « Nhưng ở đây có nắng sáng, có rượu ngon, có màu sắc, có không khí dễ thở. Tôi xin nói thẳng ngay vấn đề. Nghe đâu ở Seville không có Y-sĩ người Anh. Ông nghĩ rằng tôi có thể sinh sống ở đây được chăng ? Có diên không khi mình bỏ một việc làm chắc chắn để tìm một việc không chắc chắn ? »

— « Vợ ông nghĩ thế nào về ý đó ? »

— « Bà cũng muốn. »

— « Thấy cũng là liều lắm. »

— « Tôi biết. Nhưng nếu ông bảo đi, thì tôi đi. Nếu ông bảo ở lại thì tôi ở lại. »

Ông ta nhìn tôi chăm chú với đôi mắt đen sáng, tôi hiểu là ông ta thực tình nói những điều đã muốn. Tôi suy nghĩ một lúc, đoạn nói :

— « Đây là cả vấn đề tương lai của ông. Ông phải tự quyết định. Song nếu có thể nói thì tôi nói như vậy : trường hợp

ông chỉ cần đủ tiền để cho thân thể vừa đủ giữ linh hồn, thì nên đi. Vì ông sẽ sống cuộc đời tuyệt diệu. »

Ông ta chào tôi để về. Tôi có nghĩ ngợi về ông ta vài hôm gì đó. Rồi quên đi. Câu chuyện tình cờ đó tôi hoàn toàn không nhớ nữa.

Nhiều năm sau, cũng e đến mười lăm năm là ít, tình cờ tôi đến Seville, gặp hôm trong người hơi mệt mệt, tôi hỏi thăm người bồi khách sạn xem có Y-sĩ người Anh nào ở Seville đây không ? Anh ta bảo có và cho tôi địa chỉ. Tôi dừng xe ngựa đến nơi. Một người đàn ông nhỏ mập bước ra. Ông ta tần ngần khi thấy tôi. Ông ta nói :

— « Ông có đến khám bệnh ở tôi rồi chứ ạ ? Tôi là Y-sĩ người Anh »

Tôi giải thích lý do, ông ta mời tôi vào. Ông ta sống trong căn nhà Tây Ban Nha thường thường, có sân trước. Phòng mạch của ông ta bừa bộn, nào báo chí sách vở, đơn thuốc, đồ cũ... Khung cảnh có thể làm cho một bệnh nhân cần thận lấy làm ngạc

nhiên lắm. Xong xuôi công việc, tôi hỏi tiền bao nhiêu. Ông ta lắc đầu và mỉm cười.

— « Không tiền nong gì cả. »

— « Sao lại không ạ ? »

— « Ông không nhớ tôi à ? Tôi tới sống đây cũng là nhờ ở lời ông bảo. Ông thay đổi cả đời tôi. Tôi là Stephens đây. »

Tôi không hề nhớ chút nào. Ông ta gọi lần cho tôi nhớ lại cuộc gặp gỡ xưa, lặp lại lời tôi đã khuyên ông ta, tôi mới thoáng nhớ lại :

Ông ta nói :

— « Tôi đâu có ngờ là được gặp lại ông. Vẫn tự hỏi là làm sao tìm dịp cảm ơn ông những điều ông đã vẽ. »

Tôi nhìn ông ta. Giờ ông ta mập lắm, sói đầu, nhưng đôi mắt ông ta long lanh vui vẻ, và khuôn mặt tươi hồng biểu lộ tâm tình dễ chịu. Áo quần ông ta mặc coi xấu kinh khủng, rõ ràng là do thợ Tây-Ban-Nha may, còn chiếc mũ thì là chiếc mũ rộng vành của một người Tây-Ban-Nha. Ông ta nhìn tôi tựa như nhìn một chai rượu ngon nào

vậy. Trong ông có vẻ phóng đảng nhưng rất dễ có cảm tình. Ta có thể ngần ngại khi nhờ ông cắt ruột dư chẳng hạn, nhưng thiết tưởng tìm một bạn để cùng nhậu nhẹt thì không còn ai hơn ông.

Tôi nói :

— « Hẳn là ông có gia-đình chứ ? »

— « Vâng. Vợ tôi không thích xứ Tây-Ban-Nha nên bà ấy trở về Camberwell, giờ bà ấy thường ở bên đó hơn »

— « Ồ, buồn nhỉ ! »

Mắt ông ta ánh lên nét cười như vui say. Thực sự ông ta có vẻ của một chàng dân Silene. Ông nói nhỏ nhỏ :

— « Đời sống đây những phần thường cho công việc chúng ta. »

Vừa nói vậy thì một người đàn-bà Tây-Ban-Nha hiện ra nơi cửa. Bà ta tuy không còn trẻ lắm nhưng còn đẹp mặn-mà kêu gọi. Bà ta nói gì đó bằng tiếng Tây-Ban-Nha với ông ta ; tôi hiểu ngay bà ta chính là... bà chủ nhà vậy.

Lúc đưa tôi ra công ông chủ nhà nói ;

— « Lần trước gặp ông, ông bảo tôi nếu đến sống đây tôi kiếm vừa đủ tiền cho thân thể, vừa đủ giữ linh hồn mà sống cuộc đời tuyệt diệu. Vâng, tôi muốn nói

rằng ông đã có lý. Tôi đã nghèo và sẽ luôn luôn nghèo, nhưng nhờ trời, tôi đã hưởng trọn đời tôi. Tôi không đổi cuộc đời mình cho bất cứ vị vua nào trên thế giới này đâu.»



★ Đấu khẩu

Hai cô ca-sĩ ganh nhau vì phục sức. Một buổi sáng chủ nhật, cô Thúy gặp cô Loan trên đường Bô-Na. Thấy Loan đội cái nón kiểu mới là đẹp và đắt tiền hơn cái nón của mình, Thúy bĩu môi :

— Chị gọi là cái nón, cái vật quái gỡ mà chị để trên đầu đó à ?

Loan trả đũa liền :

— Còn chị, chị gọi là đầu óc, cái vật quái gỡ mà chị để dưới cái nón ấy à ?

★ Vợ... là nợ ?

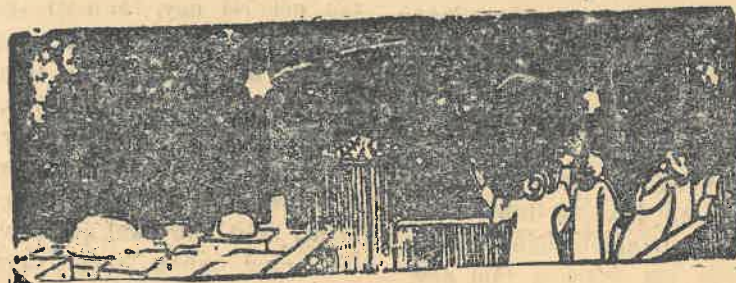
— Người ta lấy vợ là được hạnh phúc, tôi lấy vợ là mang nợ.

— Sao vậy ?

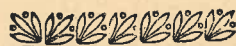
— Anh tình xem. Mỗi tháng vợ tôi xin tiền tôi một lần. Tháng giêng nó xin 1000đ, tháng Hai 2000đ, tháng Ba 3000đ, tháng Tư 4000đ, tháng Năm 5000đ... Anh xem, tiền đâu tôi có dư vậy ?

— Thế chị ấy tiêu xài việc gì mà nhiều thế ?

— Tôi đâu có biết, vì vợ tôi xin nhưng có bao giờ tôi cho đâu.

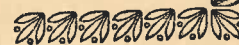


NHỮNG MẮT KHỔNG - LỒ DÒM LÊN KHÔNG - GIAN



Tuy không-gian rộng lớn, nhưng không một vật lạ nào có thể thoát khỏi những đôi mắt khổng lồ ngó lên không-trung của một cơ quan đặc trách về an-ninh vũ-trụ, tên là :

Trung-Tâm Phòng Thủ Không-Gian.



M

Ộ Vệ tinh của chúng ta đã biến mất —

Viên Trung-ủy trẻ tòng sự tại « Trung tâm Phòng Thủ Không-Gian » Hoa Kỳ SDC ở căn cứ Không-quân Ent gần Colorado Springs, tiểu bang Colorado đã báo động như thế. Anh đang đề cập đến trường hợp « thất lạc » vệ tinh 744 mà nói theo tiếng nhà nghề của các chuyên gia ở trung tâm này, đó là một « con chim xấu » (bad bird).

Vệ tinh 744 nặng 19 tấn do hỏa-tiền thí nghiệm Saturne phóng lên không gian từ mũi Kennedy hôm 29 tháng 1 năm 1964 và đã bay theo một quỹ đạo hình bầu dục không được dự liệu sẵn. Vì vậy nên vệ tinh 744 bắt đầu chạy lệch ra ngoài. Nó lắc lư và bay xiên xẹo một cách kỳ quặc. Thế rồi vào một đêm tháng 4 năm ngoài, các đài theo dõi ở khắp nơi trên thế giới báo cáo về Trung Tâm Phòng Thủ Không Gian cho biết không trông thấy vệ tinh 744 đâu nữa : « Con chim xấu » đã bay lạc đường

Trung ury James R. Lewis, 24 tuổi, một nhà toán học và cũng là một trong những chuyên gia

phân tích quỹ đạo của TTPTKG được cất cử nhiệm vụ truy dò anh chàng không gian lãng tử xấu nét 744 này. Anh đi vội xuống một căn phòng ở dưới đất. Nơi đây, đủ thứ máy tính điện tử đang rè rè hoạt động. « Tri nhớ tập thể » của các máy này cung cấp cho trung ury Lewis tất cả mọi chi tiết về vệ tinh 744 hai tuần trước khi nó biến mất trong không gian. Các chuyên viên ở Trung Tâm Phòng Thủ Không Gian cho rằng « vị trí hiện tại của những vật lạ do con người phóng lên không gian luôn luôn là kết quả của vị trí cũ của chúng trong quá khứ. » Điều nhận xét này có nghĩa là muốn biết vị trí hiện tại của vệ tinh 744, ta chỉ việc dò hồ sơ xem xét lại đường bay của vệ tinh trước đây thì sẽ rõ ngay.

Hai giờ 17 phút sau, Trung-ury Lewis đánh điện đến các đài theo dõi của TTPTKG cho biết vị trí mới của vệ tinh 744. 39 phút sau, máy viên kỹ nhận được tin hiệu. Đài radar không lồ ở Moorestown, tiểu bang New Jersey đã « tóm » được vệ tinh lạc đường 744. Chập sau, « mắt bự » thứ hai rồi thứ ba cũng đã thấy lại vệ tinh 744

NHỮNG MẮT KHÔNG LỖ

Chỉ trong thời gian ngắn, chưa đầy 3 tiếng đồng hồ, TTPTKG đã biết được quỹ đạo mới của vệ tinh 744 và tiếp tục theo dõi.

★ Một nhiệm vụ « không tưởng »

Bên Thế-giới Tự Do, Trung-tâm Phòng Thủ không gian Mỹ là tổ - chức duy nhất có đủ khả năng theo dõi tất cả những vật nhân tạo bay trong không gian. Theo những thống kê mới đây, hiện có hơn 1100 vật đang bay trên quỹ đạo vòng quanh trái đất và con số này càng ngày càng tăng lên như lời Trung tướng Herbert B. Thatcher, Tư lệnh Bộ chỉ huy phòng thủ của không lực Mỹ : « Chúng ta đang có một sự bành trướng dân số trong không gian ».

Hầu hết các nhiệm vụ của Trung-tâm Phòng thủ không-gian đều được giữ kín ngoại trừ một điều sau đây : « Trung tâm biết rõ được tất cả những vật gì đang di chuyển trong không gian từ nguồn gốc đến kích thước và vị trí của chúng ». Những vật này có thể là vệ tinh gián điệp nhỏ siu của Nga để

chụp hình các căn cứ quân sự Mỹ hay vệ sinh « khí cầu » không lồ Echo II của Mỹ dùng để tiếp vận tin hiệu âm thanh hay hình ảnh. Cũng có thể chúng chỉ là những vật bé li ti rơi rớt trong không gian như mảnh vụn của hỏa tiễn đã bị nổ chảng hạn.

Trung tâm phòng thủ không gian phải liên tục theo dõi những vật lạ này, ghi danh chúng vào hồ sơ cho đến khi nào chúng bị hủy biến đi mới thôi. Trung tâm chỉ ghi thêm vào hồ-sơ những vật này khi nào đã có đủ lý lịch « bạn hay thù » về chúng. Để có thể hoàn thành công tác nặng nhọc gần như không tưởng này, TTPTKG phải kiểm soát một không gian rộng đến 4.043.330 tỷ dặm khối (vào khoảng 17 triệu tỷ ki lô mét khối !) Trung tâm có thể xác định được vị trí của một vật có đường kính khoảng 15 phân (nghĩa là nhỏ bằng quả táo) nằm cách mặt đất hơn 4116 cây số !

Hơn thế nữa, Trung-tâm có thể tiên đoán rất chính xác bao giờ một vệ tinh sẽ rơi trở vào

NHỮNG MẮT KHÔNG LỖ

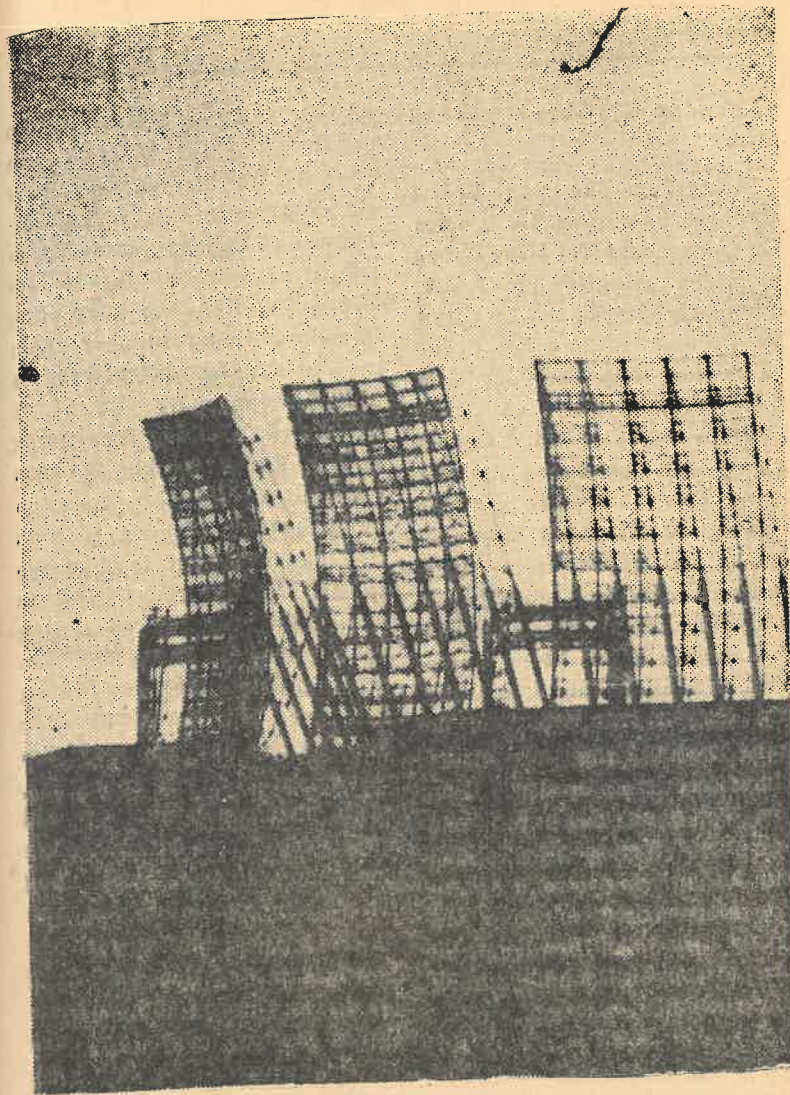
bầu khí quyển của trái đất. Trước hơn ai hết, những chuyên gia của TTPTKG đã tiên đoán vệ tinh Sputnik IV do Nga phóng lên không gian hồi tháng 5 năm 1960 sẽ rơi xuống đất vào tháng 9 năm 1962 và những mảnh vụn của vệ tinh nếu còn nguyên sau khi phải cọ xát với không khí ở khoảng 2800 độ bách phân sẽ rơi xuống Wisconsin bên Mỹ. Không lực Mỹ thông báo điều trên cho các nhà thiên văn học ở Wisconsin biết vì họ đã thu được nhiều mảnh vụn còn nguyên của vệ tinh Nga — Đây là những mảnh vụn lớn nhất của một vệ tinh Nga mà Mỹ đã nhặt được từ trước đến giờ.

Đề có thể chu toàn một nhiệm vụ gần như là không tưởng như vậy, TTPTKG hẳn phải tiêu tiền như nước : Người ta tính ra chỉ riêng các dụng cụ nghiên cứu về thiên văn của trung tâm cũng đã lên đến 1 tỷ 6 Mỹ kim.

Trong số 250 nhân viên thuộc thành phần đầu não của TTPTKG, có nhiều chuyên-viên của không lực Mỹ, mặc dù trung tâm này không trực thuộc không lực Mỹ. Trên nguyên tắc thì một

đơn vị của không lực Mỹ thuộc Bộ chỉ huy phòng không (ADC) điều khiển trung tâm Phòng thủ không-gian nhưng trên thực tế thì trung tâm hoạt động trong khuôn khổ của bộ chỉ huy phòng không Bắc Mỹ (NORAD) bên cạnh các đơn vị thuộc Hải lục không quân Mỹ và quân lực Gia Nã Đại. Cùng với Cơ quan Viễn thông phòng thủ, trung tâm báo động phòng thủ không gian đặt bản dinh bên trong lòng núi Chayenne nằm cách Colorado Springs vài dặm về phía Nam.

Nơi đây là đầu não của hầu hết các cơ sở phòng thủ của Mỹ được mệnh danh là « một thành phố trong lòng núi ». Vì vậy, nếu « tinh ý » một chút, người ta nhận thấy ngay Trung - Tâm không gian ngoài nhiệm vụ kiểm soát không gian thuần túy khoa học còn liên hệ nhiều đến các tổ chức quân sự tối cao của Mỹ. Trung Tâm phòng thủ giữ nhiệm vụ cố vấn cho chính phủ Mỹ về những vật lạ bay trong không gian đồng thời Trung Tâm cũng trợ giúp liên Hiệp Quốc



Máy Radar trinh-sát không-gian : Phi-cơ địch ? Sao Chổi ? Người Hỏa-Tinh ?... Khỏi lo !

về phương diện khoa học không gian.

Trung Tâm phòng thủ không gian còn hoạt động đặc lực với Cơ Quan Quản Trị Hàng không và không gian Hoa Kỳ (NASA) quanh các chuyến bay có người lái. Cơ quan NASA có vẻ « yếu » về phương diện theo dõi những tiếng « bip, bip » (có nghĩa là « Tôi ở đây — Tôi ở đây ») do vệ tinh gửi xuống địa cầu trong khi TTPTKG rất sở trường về kỹ thuật này nhờ những đài radar « siêu lực » (ulfrapowerful) và những máy ảnh tầm chụp xa. Trong chuyến bay Gemini V hồi tháng 8 năm 1965, vì bình ắc-quy điện trong phi thuyền trục trặc nên cơ quan NASA không rõ vị trí chính xác của Gemini V. Lập tức, cơ quan này vội « cầu cứu » với Trung Tâm phòng thủ không gian qua « đường dây nóng » (hotline). Chập sau Trung Tâm đã bắt liên lạc được với phi thuyền Gemini V chẳng mấy khó khăn.

* Hàng rào tối

Theo các chuyên gia thiên văn học cho biết vào một đêm nào

đó, nếu bạn chịu khó nhìn lên không trung thì thề nào bạn cũng (có thể) trông thấy một vật sáng rực xẹt ngang trên trời. Tại sao có hiện tượng này? Câu trả lời cũng không lấy gì làm khó lắm vì theo thống kê công bố ngày 30 tháng 10 năm ngoái thì « hiện đang có 1164 vật lạ nhân tạo đang quay quanh quỹ đạo địa cầu ». Cũng theo thống kê này thì kể từ khi vệ tinh « Sputnik » I của Nga phóng lên quỹ đạo hôm 4 tháng 10 năm 1957, đã có 1354 vật lạ nhân tạo rơi trở lại địa cầu. Người ta nhận thấy rằng tất cả những vật gì phóng lên không gian sớm muộn gì cũng phải rớt xuống đất, trừ khi chúng bị « lạc đường » hay bay vào quỹ đạo mặt trăng. « Lúc rớt xuống đất, vật lạ phải xuyên qua lớp khí quyển dày đặc và vì sức cọ xát của không khí, vật lạ đốt nóng lên và sáng rực như một hòn đá trời. » Riêng những vật còn bay quanh quỹ đạo hay đang lạc đường thường gồm đủ mọi thứ từ những mảnh nhỏ của bình chứa nhiên liệu đã vỡ tan của Mỹ, đến những phi thuyền Nga được thu hồi nguyên vẹn. Người ta nghiệm ra rằng số vật

lạ rớt xuống thường nhiều hơn số được phóng lên. Lý do là vì một vệ tinh, một phi thuyền hay một hỏa tiễn đi nữa, khi phóng lên có thể vì lý do nào đó vỡ thành cả trăm ngàn mảnh nhỏ rơi xuống đất. Cũng có trường hợp tai nạn xảy ra vì những trục trặc kỹ-thuật do chuyên viên ở dưới đất gây nên.

Như các bạn đã biết những con mắt không lồ của Mỹ ngó lên không trung có nhiệm vụ theo dõi tất cả những vật lạ đang bay trên trời và ngay những vật mới được phóng lên không gian nữa.

Công tác khó học này đảm bảo cho nhân loại rằng « không một quốc gia nào có thể âm thầm lên lút phóng hỏa tiễn (hay vật lạ) lên không gian được. » Công tác này thành công nhờ ở « hàng rào tối » vô tuyến của Trung Tâm phòng thủ không gian do Mỹ thiết lập dọc theo suốt một phần ba phía Nam nước Mỹ để có thể « theo dõi được một vật lạ cỡ sợi dây thép dài lối 15 phân đang đều đặn bay trên quỹ đạo. »

Hiện nay, Trung Tâm phòng thủ không gian đặt những 150

đài quan sát bằng radar tại nhiều quốc gia trên thế giới. Hầu hết những đài quan sát này đều có hình dạng rất kỳ quái mà lớn nhất là những đài radar giống hình cái chén (parabolic) của « Hệ Thống Bảo Động Phi Đạn Cấp Thời » (BMEWS) giữ nhiệm vụ ngày đêm canh chừng các cuộc tấn công của Cộng Sản vào nội địa Mỹ bằng phi đạn liên lục địa (ICBM). Những đài radar này kiểm-soát được trọn vùng không gian trên đất Nga Cao tới hơn 3300 cây số và có thể khám phá ra một vật lạ không to hơn cánh cửa thường bao nhiêu từ nơi xa 5520 cây số ! Đài quan sát về phía Tây của hệ thống BMEWS đặt bản dinh tại căn cứ không quân Clear ở Alasha nơi nhiệt độ mùa hè lên đến 35 độ nhưng mùa đông lại xuống tới 57 độ bách phần dưới không độ. Trong chương trình phòng thủ hồ tương nhằm đối phó với việc tấn công bất thần của Nga vào Âu Châu hãy vào đất Mỹ, đài quan sát về phía đông của hệ thống BMEWS được không lực Hoàng Gia Anh đặt căn cứ ở Fylingdales Moer và nơi đây

vẫn thường liên lạc với Bộ chỉ huy Phòng Không của Mỹ. Hải Quân Mỹ chịu trách nhiệm về hàng rào phòng thủ không gian SPASUR ngang qua nội địa Mỹ. Nhưng tối tân hơn cả là một loại radar mới đang được kiến tạo tại căn cứ không quân «Eglin» ở Florida: Đài quan sát không gian này nếu thành hình sẽ có thể cùng lúc theo dõi được hàng tá vệ tinh cách xa hàng ngàn dặm mà không cần di chuyển cột ăng-ten đến 2 phân mét. Đài sẽ xử dụng loại máy ảnh không gian «quỷ quái nhưng tiện ích» «Bakes-Nunn» nặng 3 tấn có thể chụp ảnh được 1 quả bóng rổ vào lúc ban đêm ở một nơi xa tới 88000 cây số!

Những máy móc tối tân trên đã giúp TTPTKG thu lượm được các kết quả không ngờ mà dưới đây là một: ngày 17 tháng 9 năm ngoái, Nga cố phóng một vệ tinh lớn thuộc kiểu «Cosmos» vào không gian từ quỹ đạo của một vệ tinh khác nhưng đã hoàn toàn thất bại. Sau khi vệ tinh phát nổ. Mặc dù Điện cầm Linh giữ thái độ im lìm trong vụ này, Trung tâm phòng thủ không gian

đã báo cáo rõ từng chi tiết một về Hoa Thịnh Đốn và đã xác định được vị trí 124 mảnh vụn của vệ tinh Nga bị phát nổ.

Khoảng hơn một năm trước đây, các chuyên viên của «hàng rào tối» dò ra 3 vật lạ mà trước đây họ không để ý tới. Họ không biết những vật này phóng lên không gian từ bao giờ và do ai phóng nhưng họ biết những vật ấy rất nhỏ và bay trên những quỹ đạo Mỹ thường dùng. Hồ sơ của TTPTKG ghi nguồn gốc và thời gian phóng 3 vật lạ này là «vô danh». Đây chỉ là một trong số hiếm hững vụ phóng vật lạ lên không gian mà cơ quan an ninh vũ trụ này phải «bó tay» trong suốt 5 năm hoạt động không ngừng.

*** Dân số ngoài không gian tăng dần**

Năm 1957, vệ tinh Spunick I của Nga được phóng lên không gian phát ra những tín hiệu «bíp bíp» từ trên cao vọng xuống không những đã giúp Nga bỏ xa Mỹ trên lĩnh vực không gian mà còn cho thấy Mỹ vẫn còn «yếu» về các dụng cụ quan sát không gian. Mặc dù Bộ Quốc phòng Mỹ

đã đưa ra một toa thuốc để chẩn căn bệnh này nhưng suốt trong thời Tổng Thống Eisenhower còn tại chức (1952-1960) không một cơ quan kiểm soát không gian nào được thành hình cả.

Đến thời chính phủ Kennedy, Bộ Trưởng Quốc phòng Robert Mc Namara ban hành quyết định một Trung Tâm phòng thủ không gian thường trực hoạt động phải có trước ngày 1 tháng 7 năm 1961 — Ý kiến này dù đã thành hình nhưng vẫn bị không lực Mỹ chống đối mãi đến tháng 7 năm 1962 mới thôi — Những chuyên viên đầu tiên của Trung Tâm này là 12 sĩ quan theo học các môn không gian cơ khí học, kỹ thuật tính quỹ đạo trong 2 năm và những khóa học cao hơn khác trong vòng 5 tháng nữa. Theo 12 giờ một ngày, những người này đã tốt nghiệp, điều khiển một cơ quan đặc trách về an ninh vũ trụ.

Ngày nay, mỗi tháng Trung Tâm Phòng Thủ không gian ghi nhận được từ 300.000 đến 400.000 vụ trông thấy vật nhân tạo bay trong không gian. Con số trên có thể «trút» vào

Con Mắt tò-mò của Khoa-học đang dòm Ông Xanh...



những máy tính điện tử cực nhanh ghi nhận mỗi giây đồng hồ một vụ. Máy điện tử biến những vụ nhìn vật lạ này thành những dãy số dài vô tận in lên những cuộn giấy trắng mỏng dài dằng dặc. Làm việc 24 giờ một ngày, những chuyên gia phân tích quỹ đạo xem chừng coi có những lệch lạc nhỏ nhỏ, nào không. TTPTKG có chừng 36 chuyên gia phân tích quỹ đạo. Tất cả họ đều còn trẻ, chăm chỉ chứ không có lấy một sĩ quan không quân kỳ cựu nào cả — Trưởng hợp của Trung-úy James Lewis, tay « sẵn » con chim xấu 744 nói trong đoạn đầu, là một thí dụ điển hình.

Sinh trưởng ở thành phố Kansas, sau khi rời khỏi ghế trường trung học, Lewis theo học Viện Đại Học Kansas. Nơi đây anh tốt nghiệp ngành kỹ sư không gian và làm việc với Cơ Quan Quản Trị Hàng không và không gian Hoa Kỳ dưới chức vụ chuyên gia phân tích quỹ đạo. Tháng 5 năm 1965, Lewis nhập ngũ và được không lực Mỹ biệt phái qua Trung Tâm Phòng Thủ không gian. Tại đây công việc thường ngày của

Lewis là dựa trên một số tiêu chuẩn quan sát nào đó để tiên đoán quỹ đạo của những vật lạ đặc biệt bay trong không gian và cung cấp cho các đài quan sát ở khắp nơi trên thế giới đầy đủ chi tiết về những vật lạ bay trong không gian như cho biết tầm hoạt động, độ cao, phương vị, thời gian để quan sát và kích thước của chúng chẳng hạn.

Kinh nghiệm trong nghề cho phép Trung-úy Lewis bảo rằng từ 70 đến 80 phần trăm các vật lạ bay trong không gian đều là những « con chim tốt » (good birds). Chim tốt là những vật chúng tôi theo dõi chúng không mấy khó khăn. Chúng bám chặt vào quỹ đạo của chúng và thỉnh thoảng chúng tôi chỉ phải liếc mắt sơ xem chúng nó đi lạc ở đâu không. Nhưng chắc chắn không phải hầu hết là như vậy. Từ 20 đến 30 phần trăm các vật nhân tạo bay trên quỹ đạo trái đất là những « con chim xấu » (bad birds). Chúng di chuyển lang thang trong trọn vùng không gian và ngày ngày chúng tôi phải theo dõi từng vật một để khỏi mất hút chúng.»

Có nhiều nguyên nhân khiến vệ tinh chạy lệch ra ngoài quỹ đạo ban đầu của nó : Máy đẩy của vệ tinh có thể làm thay đổi đường bay của nó —

Cũng có thể là do sự lồi lõm không đều của mặt đất vì khi bay ngang qua một dãy núi lớn, vận tốc của vệ tinh sẽ tăng lên nhờ ở ảnh hưởng của một khối lượng trên khối lượng khác — Một nguyên nhân nữa là những luồng sóng chấn động từ địa cầu truyền ra khi một phi cơ phản lực vượt tầng âm thanh sẽ va dội khiến vệ tinh đang bay trong không gian phải lắc lư. Nhưng tệ nhất vẫn là « sức hút của bầu khí quyển trái đất » — sức va dội của những làn hơi li ti ở ngoại tầng không gian — Sức này làm giảm vận tốc của vệ tinh, làm nghiêng quỹ đạo của vệ tinh đến 5.000 cây số mỗi ngày rồi sau cùng đưa vệ tinh đến chỗ rớt xuống đất tan thành mảnh vụn — giới thiên văn học Mỹ gọi trường hợp này là « Burn-ins ».

Trở lại với Trung Tâm Phòng Thủ Không Gian, người ta biết rằng dựa vào những dự đoán

của Trung tâm này, Bộ Quốc Phòng Mỹ thu hồi được những mảnh vụn của các vệ tinh bí mật do Mỹ phóng lên không gian trước khi để chúng lọt vào tay Nga Sô hay Trung Cộng. Rồi đây chắc chắn nhân viên của Trung Tâm này sẽ còn nhiều cam go hơn hiện nay vì dân số ngoài không gian ngày một tăng lên : Các chuyên gia của TTPTKG dự đoán rằng trong 3 năm tới, dân số này sẽ tăng lên 500 phần trăm nghĩa là đến năm 1970 sẽ có từ 5000 đến 7000 vật nhân tạo bay trên quỹ đạo.

Mặc dù đã có hai vệ tinh của Hải Quân Mỹ đụng nhau trên không gian hai năm trước đây, TTPTKG cũng chẳng lo lắng gì vì một chuyên gia phân tích quỹ đạo của Trung Tâm là James Lewis đã nói! « Chúng ta vẫn còn nhiều chỗ trống trên không gian ».

Mỗi bản khoản hiện nay của Trung Tâm Phòng Thủ Không Gian là phải luôn theo dõi những vật lạ và những mảnh vụn của chúng. Trung úy Lewis nói là « Chúng tôi cần một vài loại máy hút bụi không gian để

NHỮNG MẮT KHÔNG LỖ

Có thể quét sạch tất cả những rác rưởi ra ngoài không gian. » Anh ta không nói đùa, vì hiện không lực Mỹ đang dự trù chế tạo một loại máy tương tự như vậy giữa lúc Trung-Tâm Phòng-Thủ Không-Gian đang đặt chế tạo thêm những đài theo dõi vật lạ tối tân hơn như Tướng Thatcher, Tư lệnh Bộ

Chỉ Huy Phòng Thủ của Không lực Mỹ có lần đã nói : « Bảo vệ hòa bình có nhiều hình thức. Về phương-diện không gian, nhiệm-vụ này đòi hỏi phải biết rõ trong không-gian hiện có những vật lạ nào. »



★ Làm thơ

Thấy vợ muốn được đời sống tự do đôi chút, chồng căn nhắc :

— Thiệt, vợ là nợ !

Vợ ứng đáp liền :

— Phải, chồng là công !

★ Yêu là chết trong lòng 1 tý...

Văn sĩ Pháp, Roland Dorgelès in trên trang đầu tiểu thuyết của ông « Sur la Route Mandarine » (Trên đường cái quan) câu này :

Partir, c'est mourir un peu (Đi, là chết trong lòng một tý) nhà thơ Xuân-Diệu, làm thơ, lấy cấp câu đó. sửa lại một chữ :

« Yêu, là chết trong lòng một tý ! »

Bọn ăn cắp xe đem về sơn phết lại và đổi số xe, cũng chỉ là ăn cắp mảnh lời của nhà thơ Xuân-Diệu mà thôi !



T
R
U
Y
Ê
N
G
À
N

đăng - doanh

BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

Tôi trước một căn nhà ngói rào lưới, sắt kín bung như một cư xá ngoại kiều, tôi đưa tay bấm chuông điện. Tiếng chuông đồ dờn nghe vang lên từ đây nhà dưới. Tiếp sau là tiếng bước chân của mấy đứa nhỏ chạy ủa ra phía cửa. Mạnh, đứa cháu trai lớn nhất sáu tuổi chợt thấy tôi thì reo lên :

— A cậu Dũng.

Rồi nó chạy xuống bếp gọi lớn :

— Cô Hai ơi, mở khóa cho cậu Dũng vô.

Hảo, đứa cháu gái 4 tuổi cũng vừa chạy tới, nó xòe bàn tay mũ mẫm qua song cửa sắt, gọi rồi rít :

— Cậu cho cháu một đồng mau lên kéo thẳng Mạnh nó biết.

Tôi hiểu con bé rất thông minh, nó sợ tôi thiếu tiền lẻ như lần trước nên phải xin ngay để không nghe tôi khất nợ. Tôi làm mặt nghiêm, đập nhẹ bàn tay vào lòng bàn tay đứa cháu gái mắng :

— Hư nào, cậu mách mẹ chết bây giờ.

Hào nghe tôi dọa « mách mẹ » thì sợ hãi rút tay lại. Lúc đó Hai, người ở gái cầm chìa khóa bước lại gần cửa, mỉm cười chào :

— Cậu.

Tôi thoáng nhìn cô cười, nhìn mái tóc bím xoắn tự nhiên, nhìn khuôn mặt hơi dài với chiếc cằm nhọn đến thân hình mảnh mai của cô và hơi ngạc nhiên là người ở của chị tôi cũng khá đẹp. Tôi cười gật đầu chào lại rồi hỏi :

— Ông chủ có nhà không ?

Cô cúi xuống vừa mở khóa vừa đáp :

— Không có cậu ạ.

— Thế còn bà chủ ?

— Mọi đi làm đâu, chắc giờ cũng sắp về.

Tôi bước vào nhà giữa bàn tay níu kéo xin tiền của lũ cháu nhỏ. Căn nhà thật ấm cúng với quạt trần, tủ lạnh, vô tuyến truyền hình và máy thu thanh. Thoạt trông tưởng như một gia đình hạnh phúc. Vàng, cứ xét theo bề ngoài thì chị tôi đã tìm thấy hạnh phúc ở một người chồng đẹp trai, giỏi giao thiệp và kiếm được nhiều tiền.

Nhưng buồn thay tất cả những thứ trên chỉ được dùng để cho người chồng đẹp trai đó giải khuây sau mỗi bữa cơm trưa và chiều, hoặc để tìm một giấc ngủ thoải mái, thay vì cái kính gắt gỏng với vợ con.

Từ khi nghe tin người chồng đẹp trai của chị tôi ngang nhiên chung sống với một cô gái khác, tôi tự nhiên thấy oán giận vô cùng. Anh cưới chị tôi không do một sự ép buộc nào cả. Anh tự tìm đến với chị và hai người lấy nhau trong hoàn cảnh rất chật vật về tài chính. Hồi ấy, chị làm thợ may, còn anh là một cán bộ thông-tin lương tháng không quá 2 ngàn.

Nay, sau sáu năm cùng quần, anh đã tìm được một chỗ làm tại một cơ sở ngoại quốc. Anh bắt đầu sống bề tha tưởng như anh không phải là người chồng của người đàn-bà vẫn có mặt tại nhà anh hơn 6 năm nay.

Tôi bước vào gian nhà trong. Trên chiếc võng day mắc ngang nhà, một đứa bé gái sáu tháng nằm ngủ yên lành. Khi tôi cúi xuống thì bất gặp đôi mắt đen láy của nó đang nhìn tôi.

Tôi không hiểu đứa bé thơ

ngây kia thức giấc từ khi nào. Đôi mắt nó đen thật đẹp và nó nhìn tôi đăm đăm không chớp. Tôi cúi xuống đặt môi lên gò má bầu bĩnh của nó, thì thầm :

— Tôi nghiệp cháu bé ngoan của cậu.

Tôi chợt nghĩ đến cha nó không còn nâng niu dỗ dành nó như anh chị nó trước kia, còn mẹ nó buồn đến hao gầy thân xác mà nó đâu hiểu, chỉ biết vui chơi, đùa nghịch.

Đứa cháu gái tự nhiên mở miệng cười như muốn làm quen với tôi. Tôi luồn hai bàn tay sau lưng nó nâng nó dậy.

Nghét tiếng động, tôi quay lại thấy chị tôi vừa vào tới, chị hỏi :

— Cậu Dũng sang chơi đấy à ?

Tôi đáp :

— Vàng, còn anh chiều nay lại trực sao ?

Chị cười nhạt :

— Anh thì chiều nào chả trực.

Tôi biết là anh hiện đang hú hí với cô tình nhân và chị cũng thừa biết như vậy nhưng tôi vẫn hỏi cho có chuyện còn chị cũng trả lời cho xong.

Chị ngồi xuống ghế bảo tôi :

— Thôi đưa cháu chị bé cho kẻo cháu lại « tưới nước » vào người cậu bây giờ đây.

Tôi đặt đứa cháu nhỏ vào lòng chị, ấn nhẹ ngón tay lên trán nó, dọa :

— Dám, cậu unction chết.

Và tôi ngồi xuống ghế. Hai chị em cùng yên lặng. Lát sau tôi mới hỏi :

— Con nhỏ « đập chính » chưa ?

Chị cúi xuống :

— Rồi.

— Chị tính sao ?

— Thì cấp dưỡng cho nó nuôi con đến khi nó tìm được việc làm chứ còn sao nữa.

— Liệu anh có thể bỏ được con này không ?

Chị khẽ lắc đầu :

— Xem chừng khó lắm, có con với nó rồi.

Tôi thở dài. Lần nào cũng vậy, tôi hỏi để biết chứ chẳng mong giúp gì được chị. Nhất là không có quyền lên mặt dạy khôn anh ấy. Một người đàn ông vào tuổi anh có đủ lý lẽ để tự cho việc làm của mình là hợp lý.

Một hồi chuông điện chợt vang lên khiến đứa bé giật mình co

BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

người lại. Tiếng chuông vừa dứt thì có tiếng người nói vọng vào :

— Mở cửa cô Hai ơi.

Mặc dù biết rõ cô đã nhận ra tiếng gọi của chồng, chị tôi cũng gọi theo như để chứng tỏ sự có mặt của mình :

— Cô Hai ra mở cửa cho cậu kia.

Rồi chị đứng dậy trao đưa bé cho tôi :

— Cậu bế cháu dùm chị với.

Nghe tiếng người nói xôn xao ở nhà ngoài, tôi đoán hiểu ông anh cùng về với vài người bạn khác. Tiếng anh nói với chị mà như nói với một người lạ :

— Đem huyết ky ra đây. Cô hai mở dùm tôi bốn chai Soda. Còn thằng Mạnh, con Hảo, hai đưa vào nhà mau.

Tiếng cháu Mạnh nói với ba nó :

— Bố cho còn cục đá.

— Không đá gì hết, vào nhà mau Kia, huyết ky đâu ?

Chị tôi lật dật chạy vào nhà trong mở ngăn tủ lấy ra một chai huyết ky. Giọng anh đã như nổi giận :

— Không phải chai này. Khờ,

chai «sớ vắn cơ rao» kia. Còn cơ Hai rửa giùm cái ly chút nào. Gôm, ly để hàng tháng không rửa hay sao mà bụi bặm thế này. Còn thằng Mạnh coi chừng tao đấy. Uống là rống cả ngày, Vào trong mau, cả con Hảo nữa, mau.

Tội nghiệp hai đứa bé, tôi thấy chúng sợ hãi đi giạt lùi vào phía trong. Ban nãy chúng còn đùa vui la hét như vậy mà bây giờ thì tiu-nghiù như mèo phải nước! Tôi moi túi lấy hai đồng bạc lẻ đưa cho chúng :

— Đây cậu cho. Nhớ đừng với vĩnh kéo ba đánh nghe,

Chúng yên lặng cầm lấy đồng bạc rồi leo lên đi vắng ngồi nép vào thành tủ.

Sau một hồi bàn luận về công việc làm ăn, bọn khách kéo nhau đi. Còn anh, sau khi gất gông với chị tôi về chuyện gì không rõ, cũng lên xe theo bọn khách.

Chị tôi trở vào nhà trong, nét mặt buồn với vợ, trông chị có vẻ mệt mỏi và chân nắn như vừa phải làm một việc gì nặng nhọc. Chị đứng tần ngần trước gương như muốn nhìn lại khuôn mặt mình, nhìn mái tóc mới uốn

BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

chưa rồi một sợi trên đầu mình nhưng nghĩ ngợi thế nào, chị bỗng quay lại nói với tôi :

— Dững này, chị nhờ em đeo chị xuống tiệm uốn tóc một lát được không ?

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Chị để quên gì ở đấy ?

Chị lắc đầu :

— Không để quên gì nhưng chị bảo họ sửa lại đôi chút. Anh có vẻ không thích kiểu tóc này.

Nhớ đến thái độ lạnh như đá của anh đối với vợ con, tôi đã nổi giận muốn mắng luôn cả chị. Tôi định nói : « Mặc xác nó, nó đâu cần biết chị đẹp hay xấu mà chị trang điểm cho tổn sức ». Nghĩ vậy, nhưng khi nhìn đến chị, một thiếu phụ chỉ còn biết tin vào sắc đẹp của mình để giữ chồng ở lại, tôi đành miễn cưỡng gật đầu :

— Vậy cũng được để em đưa chị đi.

Tới tiệm uốn tóc chị dẫn tôi :

— Dững nhớ khoảng sáu giờ lại đón chị nhé.

Sáu giờ tôi lại đón chị, Vừa thấy tôi chị đã hỏi :

— Anh về chưa ?

Tôi đáp nhanh :

— Chưa.

Chị ngồi lên yên xe phía sau tôi, bỗng chị nói :

— Dững xem Saigon có phim nào hay cho chị đi coi với.

Tôi hỏi :

— Chị không về nhà sao ?

— Về nhà ngồi không buồn thấy mờ. Chắc giờ này anh ấy cũng chẳng về nữa đâu.

Tôi đưa chị vào Casino xem phim hoạt họa của Nhật nhan đề « Hai đứa trẻ mồ côi ». Truyện kể lại ba chị em một nhà kia bị bọn hải tặc bắt cóc mang đi bán rẻ cho phường trọc phú. Người em cả trong lúc chống cự với bọn hải tặc không may sảy chân rơi xuống biển hóa thân thành một ngư nữ. Cô em thứ vì lam lũ cực nhọc cũng liêu bở trốn và chết dọc đường biển thành một con hạc trắng bay theo chỉ đường cho đưa em trai tới tìm bà phụ của nó để xin giúp đỡ.

Truyện thật cảm động, khiến hai chị em cùng khóc. Tôi nghĩ đến quãng đời niên thiếu trước kia.

Sau khi mẹ tôi mất đi. Trong gia-đình chỉ còn tôi và chị. Người anh cả đã lên đường nhập ngũ từ hơn một năm trước. Năm ấy tôi 14 và chị 16 tuổi.

Ngôi nhà rộng 10 gian đã trở nên một lâu đài hoang vắng đối với chúng tôi. Có nhiều căn buồng chúng tôi không hề đặt chân tới ngay giữa ban ngày và để mặc sương muối phủ trắng nền đất. Cứ đêm xuống, tôi theo chị đi kiểm soát then gài các cửa một lần chót rồi cùng chị vào buồn, gài cửa buồn thật chặt xong mới yên tâm lên giường. Hầu như không bao giờ chị em tôi xa nhau lấy nửa ngày. Chúng tôi sống hồn nhiên với gạo sắn trong nhà, với rau trồng ngoài vườn, với cá đồng, cua bẻ tự tay chúng tôi kiếm lấy. Tôi cứ tưởng rằng chị em chúng tôi sẽ sống suốt đời trong hoàn cảnh êm đềm này. Thì bỗng một hôm, một bọn năm người

lính từ bót Đò-càn vô tình vào xin nước ở nhà tôi. Họ thấy chị tôi là sản lại hỏi chuyện đến chập tối mới ra đi.

Sau đó tôi chỉ còn gặp một thanh-niên trong bọn, vóc người nhỏ gầy. nước da trắng thường đến thăm chúng tôi. Anh tự giới thiệu tên Hải, quê Hà Nội. gia-đình buôn bán khá giả. Hải tới thăm chúng tôi vào mỗi buổi chiều. Anh giúp chúng tôi trồng bắp, tưới rau và nhiều khi ở lại ăn cơm với chị em chúng tôi. Rồi đột nhiên Hải biệt tin luôn một tuần lễ. Chị tôi cho tôi tới đơn-vị hỏi thăm mới hay Hải đã tử trận.

Đêm hôm ấy tôi chợt nghe tiếng khóc của chị. Tôi hiểu chị tôi bây giờ không còn là cô gái vô tư đùa rỏn suốt ngày với tôi như trước nữa. Chị vừa biết yêu thì người yêu của chị đã nhắm mắt nằm xuống. Tôi mơ hồ nghĩ tới một ngày nào đó chị cũng sẽ đi lấy chồng như chị Hạnh chị Nghĩa khiến tôi buồn và khóc theo chị.

— Máy giờ rồi em ?

Chợt nghe tiếng chị hỏi, tôi

giật mình cúi nhìn đồng hồ tay nhưng ánh sáng trong rạp yếu quá, tôi phải đợi một lúc lâu mới phân biệt được kim chỉ giờ với kim chỉ phút, tôi nói :

— Chín giờ kém mười chị ạ.

— Xong đoạn này em đưa chị về nhé?

Tôi gật đầu.

— Vâng.

Khi đẩy xe về nhà, tôi hết sức ngạc nhiên thấy người anh rể đang nằm đọc báo trên salon, mặt anh hướng về phía cửa như luôn luôn ngóng đợi chị về để hặc hỏi. Tôi làm bộ ngạc-nhiên nói với anh :

— Kia, em tưởng anh hôm nay trực.

Anh không rời mắt khỏi trang báo, trả lời :

— Trực đấy nhưng hôm nay tôi nghỉ.

Chị tôi vào sau, cũng như để thanh minh cho sự vắng mặt của mình, chị nói :

— Cậu Dũng vừa đưa em đi xem một phim hoạt họa cảm động quá anh ạ ?

Anh không để chị kể tiếp, vội ngắt lời :

— Thăng Mạnh đâu ?

Chị tôi sững sờ :

— Em ngờ nó ở nhà với cô Hai chứ.

— Cô Hai đang coi Ti-vi bên nhà bác Tư kia.

Chị lại hỏi :

— Thế còn con Hảo ?

— Nó đi với chị Hai.

Và anh lại tiếp tục đọc báo. Trán anh cau lại, cặp môi mím chặt, hình như anh chỉ muốn quát âm lên cho người gian nhưng còn ngại tôi đứng đó. Chị tôi, sau khi nhận rõ thái độ của anh, nửa cảm như thấy tủi nhục vì chồng không hiểu mình nữa buồn vì cháu Mạnh trốn đi chơi, chị quên cả việc thay ác dài, vung-vẳng bước ra khỏi cửa, nói thầm :

— Cái thằng khó dạy thật, cứ xông một cái là nói biến đi mất. Tôi tàn-ngần đứng lại giữa nhà. Tôi không hiểu tại sao chị tôi lại có thể chịu đựng nổi một cuộc sống buồn tủi như vậy. Nếu sau này tôi được tin chị đã bỏ chồng trốn đi một nơi nào khác hay với một người

BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

đàn-ông nào khác, có thể tôi sẽ không trách chị. Tôi chỉ trách người đã tàn nhẫn cư xử với chị như một đũa ở lương tháng hai ngàn đồng. Tình yêu đã trở nên hận thù không vì một lý do nào cả. Thực khó mà hiểu được lòng người, khi yêu thì yêu say mê tưởng suốt đời không xa được, khi ghét lại oán giận như một lỗi lầm của mình, mình phải dứt bỏ.

Hôm sau tôi trở lại thăm chị. Chị nằm cho con bú trên võng. Trông chị gầy hẳn đi, mái tóc rối bù không thành nếp. Chị vẫn hỏi tôi một câu như mấy lần trước :

— Cậu Dũng sang chơi đấy à ?

Tôi thoáng nghĩ chắc hẳn chiều qua hai vợ chồng cãi nhau về chuyện cháu Mạnh đi chơi. Cãi nhau với một người chồng vốn ác cảm với vợ thì bao giờ chị chẳng lãnh phần thua thiệt. Vết bầm tím trên gò má, trên trán chị đã khiến tôi nghĩ như vậy. Tôi hỏi :

— Chị làm sao mà mặt mũi thâm tím thế kia ?

Chị cố giữ vẻ bình thản đáp :

— Không, chị có sao đâu.

Tôi chỉ cho chị thấy :

— Đó, trên má phải chị đó. Chắc ông bà lại uỳnh lộn chứ gì ?

Chị hờ hững đưa bàn tay lên xem thử, giọng vẫn như vô tình :

— Đâu phải, có lẽ chị xô vào cửa tối quá đấy.

Nghe giọng nói lúc nào cũng như bênh vực chồng của chị, tự nhiên tôi đâm ra ghét chị. Tôi nghĩ « Thực đúng là chị đã bị khuôn mặt đẹp trai của hắn mê hoặc. Chị mà còn vậy trách chi bọn con gái nhẹ dạ. Thôi, như thế là hạnh-phúc cho chị rồi. »

Tôi bước lại gần đưa cháu gái đang nằm gọn trong lòng chị nói mát :

— Chỉ có mày là sướng thôi, cháu ạ.

★□



TUẤN,

CHÀNG

TRAI

NƯỚC VIỆT

★ NGUYỄN-VỸ

CHƯƠNG XXXII

★ 3-9-1939

Đệ Nhị Thế-chiến bùng nổ ở Âu-Châu

(Tiếp theo PT 196)

2) Đêm tập báo-động đầu tiên ở Hà-Nội

1939, Hà Nội, cũng như Saigon và toàn cõi Á-Đông, máy truyền thanh (Radio) chưa được thông dụng. Chỉ một số rất ít người Pháp ưu tiên mới mua được, và phải có giấy phép đặc-biệt của

phủ Toàn quyền Pháp mới được mua. Và lại giá nó rất đắt, một máy Radio cũng gần bằng tiền như một chiếc xe hơi mà không phải nhà giàu sang nào cũng sắm được. Nó thuộc về loại xa xỉ phẩm mà sự nhập cảng rất bị hạn chế. Máy Radio lại bị sắp vào loại hàng hoá « quốc cấm »

Dân chúng chưa bao giờ nghe nói đến danh từ Radio, hay máy truyền thanh, chứ đừng nói là trông thấy cái máy ấy. Tất cả tin tức về tình hình sôi nổi ở Âu-Châu đều do các tờ nhật báo loan ra, theo thông cáo của sở IPP (Information-Propagande-Press) nghĩa là « Thông tin, Tuyên truyền, Báo chí » của phủ Toàn quyền Pháp.

Hằng ngày Tuấn và một nhóm thiếu số bạn đồng chí sinh viên và văn nghệ hùn tiền lại để mua hai tờ nhật báo « quốc-ngữ » : — *Đông-Pháp, Trung-Bắc Tân-Văn*, hai tờ nhật báo Pháp ngữ ở Hà-Nội ; *La Volonté Indochinoise, Franco-Indochine*, và hai tờ nhật báo Pháp ở Paris : *L'Intransigent, Paris-Soir*. Báo Pháp mỗi tuần gửi qua Hà-Nội một lần, thành ra mỗi tuần phải mua mỗi thứ một bó 6 tờ. Ngoài ra, Tuấn còn mua thêm tờ tuần báo rất nhiều tranh ảnh của Pháp, nổi

tiếng nhất lúc bấy giờ là tờ «*Match de la Vie*». Từ sau đệ-nhi-
Thế chiến *Match de la Vie* được đổi
tên thành ra *Paris-Match*. Tuấn
thích xem tờ *Match de la Vie* mặc
dầu giá rất đắt, vì nó là tập báo
duy nhất đăng rõ ràng và rất
nhiều hình ảnh sốt dẻo mỗi tuần
về các biến cố sôi nổi của Tiền
Chiến ở Tây-Á, nhất là về *Hit-
ler, Staline, Churchill, Mussolini,
Chamberlain, Daladier..v.,v...*

Nhờ các loại báo đó, các bạn
của Tuấn và Tuấn được theo dõi
hằng ngày các âm mưu sôi động
của Hitler cương quyết gây hận
thù máu lửa ở Âu-Châu, với sự
đồng loã của Staline trong giai
đoạn đầu của chiến tranh.

Thế rồi chuyện phải đến đã
đến. Các báo «*quốc-ngữ*» xuất
bản ở Hà Nội ngày 4-9-1939 đều
đăng tin bằng tit lớn suốt 8
cột trang nhất :

3-9 : PHÁP TUYÊN CHIẾN VỚI
ĐỨC .

Đồng thời, các báo Pháp ngữ
ở Hà nội cũng đăng tin 8 cột :

LE 3-9, À O HEURE, LA FRANCE
DÉCLARE LA GUERRE À L'ALLE,
MAGNE.

Chiến tranh, mà người Pháp
lo sợ, và người «*An-Nam*» đợi
chờ như một tai họa cho nước
Pháp nhiều hơn là cho nước
An-Nam, chiến tranh mà tất cả
mọi người đều bàn tán xôn
xào từ mấy tuần lễ, — đã bùng
nổ thật sự.

Cùng một lúc với tin này
lửa đó, các báo đều đăng những
thông cáo quan trọng của Tòa
Đốc lý thành phố Hà - nội (Sài
gòn gọi là Tòa Xã tây) (1) :

— *Tất cả các đèn trong nhà và
ngoài phố đều phải bao phủ bằng
vải đen để che đậy ánh sáng
(phòng phi cơ địch)* .

— *Đào hầm trú ẩn trong thành
phố, theo hình chữ «*chi*»* (2)

— *Dân chúng tập «*phòng thủ
thụ động*» (còi hú, dân chúng
phải chạy nấp xuống hầm)*

— *Tập nghe còi hú như thế nào
là «*còi báo động*».*

— *Toàn thể Đông-Dương (Bắc*

(1) Dưới thời Bảo đại gọi là
Tòa đó sảnh, từ thời Ngô đình
Diệm gọi là *Tòa Đô chánh*,

(2) chữ «*Chi*» là chữ Hán viết
giống như chữ Z của Tây trừ
cái chấm đầu.

*kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai Lao,
Cao miên*) bị đặt trong tình trạng
chiến tranh..v..v...

Hàng nghìn bích chương in
bằng chữ lớn và đậm, nhắc lại
các chỉ thị trên do Tòa đốc lý
Hà nội dán khắp các vách
tường thành phố, thu hút một
số rất đông đảo dân chúng tụ
lại xem thông cáo và bàn tán
tạt xôn xào, náo động. Cả Hà
nội chỉ nói về chiến tranh đã
bộc phát ở Pháp và gián tiếp
ảnh hưởng đến Đông Dương.

Tuấn và các bạn của Tuấn
sống những giờ phút hồi hộp
vô cùng. Họ tìm gặp nhau luôn
để bàn về chiến tranh Pháp Đức.

Đêm hôm ấy, là đêm đầu tiên
mở màn cho Thế giới chiến
tranh thứ Hai, Hà nội tập
«*Phòng thủ Thụ động*» cũng
lần đầu tiên.

Dân chúng đã được chuẩn bị
trước. Tất cả các ngọn đèn
điện và đèn dầu hỏa (chưa có
đèn nê-ông,) đều bị che kín
bằng vải đen, hoặc giấy bia
đen. Chỉ để một tia sáng thu
nhỏ lại và chiếu thẳng xuống,
thành những vũng tròn ánh
sáng lơ mờ, trong nhà cũng
như ngoài đường.

Cảnh tượng khác thường ấy
gây cho Tuấn một cảm tưởng
mới lạ, bản khoăn, lỳ kỳ, như
nó báo hiệu sự khánh-tận một
thế giới và sự khởi thủy một
thế giới khác, đầy bí mật rùng
rợn. Đời sống bình thường
hằng ngày đã có triệu chứng
biến đổi. Ai cũng chờ đợi
những cái gì kinh ngạc có thể
xảy ra không biết lúc nào,
không biết cách nào, không biết
bao lâu, nhưng chắc chắn là
sẽ có...

Dân chúng ra đường hết.
Khác như mọi đêm, các phố
lớn ở Trung tâm Hà nội đông
nghẹt những người hiếu kỳ đi
xem cảnh phố phường chập
chờn nửa tối nửa sáng..

Đi với một người bạn thân,
Họa sĩ Nguyệt-Hồ, Tuấn bảo :

— Tự nhiên mình nhớ câu
thơ trong *Le Cid* : *Cette obscure
clarté qui tombe des étoiles...*

(Ánh sáng mù mịt ấy nó từ
trên sao rơi xuống) Nhưng đây
lại là :

*Cette obscure clarté qui tombe
sous les voiles* (ánh sáng mù
mịt ấy nó từ dưới màn đen
rơi xuống).

Bỗng dưng vào khoảng 7 giờ hơn, còi báo động rú lên vang dội cả thành phố. Ai cũng biết rằng đây là cuộc tập dượt đầu tiên về phòng thủ thụ động, chứ không phải là báo động thật, nhưng khi tắt cả các ngọn đèn trong nhà và ngoài đường đều tắt hết, Hà-Nội chìm đột ngột trong đêm đen hoàn toàn, thì không ai bảo ai, tất cả các cửa đều lần lượt đóng kín mít... Điều này không có trong thông cáo của toà Đốc-ly, nhưng sau khi còi báo động rú lên, dân chúng tự động đóng cửa gài then cẩn thận. Nhiều người ngây thơ sợ rằng có lẽ máy bay lạ sắp bay đến thả bom Hà-nội chăng? Nhiều người khác biết rằng đây là tập phòng thủ, nhưng họ sợ bọn trộm cướp thừa lúc thành phố tối đen tối thui không có một chút ánh sáng nào, sẽ lẻn vào nhà để cướp dặt đồ đạc.

Đám đông người vẫn đi dạo chơi ngoài đường để xem quan cảnh thành phố trong lúc báo động. Tuấn và Nguyệt-Hồ đi thong dong, trên phố Hàng Bạc. Tuấn đang hút một điếu thuốc, nhưng đến ngã ba Phố Mã-mây (Phố Cờ-Đen, rue des

Pavillons Noirs). một viên Cảnh Pháp (3) sừng sộ bảo Tuấn phải dập tắt điếu thuốc. Tuấn hỏi tại sao? Viên Đội xếp Pháp gất lên:

— Tại sao hả? Anh không biết rằng báo động ban đêm tắt cả các ánh sáng đều bị cấm?

Tuấn vứt điếu thuốc:

— Tôi không tin rằng một điếu thuốc cháy là một ánh sáng mà một phi công từ trên trời dòm xuống có thể trông thấy!

— Đừng có nhiều chuyện! Nếu không tuân lệnh, tôi bắt giam anh vào bót ngay bây giờ.

(3) ông Cảnh: danh từ rất thông dụng trong dân chúng Bắc kỳ, phiên âm tắt tiếng Pháp Commissaire mà trong Nam kỳ gọi là ông Cò. Ngoài Bắc còn một danh từ bình dân khác là ông Đội-xếp. Tụ cảnh sát được gọi là Sở Cảnh. Miền Trung gọi là «bót Phủ lữ» Postede Police. Ở Sài Gòn và Nam kỳ chỉ nói tắt một tiếng «bót». Từ hồi độc lập, gọi: bót Cảnh sát.

Nguyệt-Hồ nắm tay kéo Tuấn đi, không muốn Tuấn cãi nhau với viên Cảnh nữa, Nguyệt-Hồ khẽ bảo sau khi đã đi xa mấy bước:

— Thằng cha Cảnh khéo lắm-câm!

Tuấn bảo:

— Kề ra thì hẳn lắm cầm thật. Nhưng xét kỹ thì hẳn có lý lẽ của hẳn. Hẳn được chỉ định phụ trách kiểm soát khu Hàng Bạc, và chắc hẳn đã được lệnh cấm tắt cả các ánh sáng trong thời gian báo động. Hẳn áp dụng chỉ thị đó một cách mù quáng và cho rằng một điếu thuốc ngậm trên môi cũng là một ánh sáng!

— Một thằng đội xếp Tây mà ngu ngốc thế!

— Nếu nó thông minh thì nó đã không phải là đội xếp!

Hà-Nội chìm trong đêm thăm

suốt hai tiếng đồng hồ. Hai chiếc máy bay « Morane » kiểu 1914 bay chậm chậm thật cao trên vòm trời đen nghịt, tiếng kêu rầm rầm với hai chấm xanh đỏ lơ hai đầu cánh.

Đến 9 giờ, một hồi còi hụ chấm dứt cuộc tập dượt phòng thủ. Nhưng thành phố Hà-nội vẫn im lìm không có tiếng động, như đã ngủ yên, không muốn biết bộ mặt ghê rợn của tử thần bắt đầu đe dọa số phận của nó.

Tuấn và Hoạ sĩ Nguyệt-Hồ ngồi dưới góc một khóm dương liễu đang âm thầm buông những giọt sương khuya xuống bờ Hồ Hoàn-Kiểm. Đôi bạn trao đổi những cảm tưởng của họ về đêm đầu tiên tập sự chiến tranh tối tân nơi «Màn năm văn vật đất Thăng-Long»...

(còn nữa)

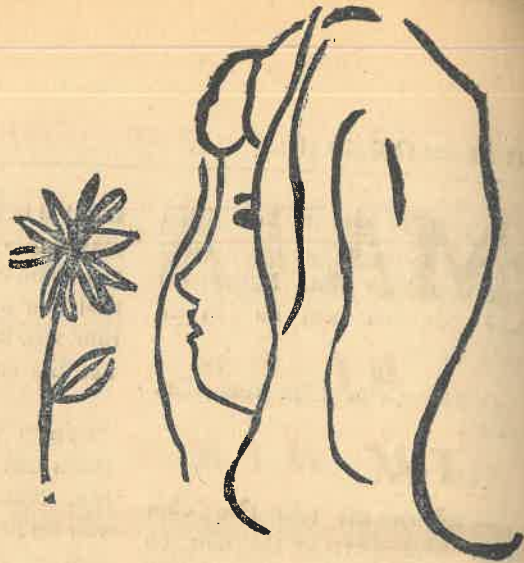


▼ Lời Trạng Sư.

« Thân-chủ tôi làm nghề mai-dâm, vâng, đúng thế. Những hồ-sơ của nàng rất là trong-sạch »

Luật-Sư D.H.

u hoài



tôi cúi mặt nghe hồn mình tự thú
những đau thương tràn ngập máu dân Hời
mắt ứa lệ lặng cảm niềm đã thú
chiều vàng phôi mưa gió trời muốn đời
tôi đi giữa lòng đại dương bằng giá
mang tâm tình thơ chín ngón xương khô
da tím lạnh không còn gì nữa cả
đường lệch ngang hoa lá đã phai mờ
con đò nhỏ lắt lư vào bể mộng
trắng buông rơi xây thành quách điều tàn
nỗi u hoài — một tương lai sụp đổ
tuổi xanh buồn ôm nửa chéo khăn tang
tôi ghê sợ ở ngày mai hấp hối
mái tranh nghèo không lớp áo che mưa
em gái nhỏ sẽ quên cười biếng nói
thì tìm đâu — lòng hời — với muốn hoa
trời tăm tối — tôi run run khẩn lạy
mong trời xanh bừng tỉnh giấc chiêm bao
mong ngàn sao ngập ngời ơn phước ấy
để men nồng kinh động vút tưng cao

THẾ - LAN
(TRIỀU - VÂN - TỬ)

Vũ - nữ, nữ gián - điệp Quốc - tế

MATA-HARI

bị án
TỬ HÌNH

CÓ OAN
KHÔNG?

TÂN-PHONG

Vụ Mata-Hari bị án tử-hình đến nay vẫn còn khiến cho dư-luận Thế-giới phân-vân. Sách, báo, ciné, vẫn thường nhắc đến nàng Vũ-nữ Hòa-lan mà danh tiếng lừng lẫy năm châu, vì nhan-sắc quyến-rũ phi-thường của nàng, nhất là vì vai trò rất bí-mật của nàng trong một vụ gián-điệp quốc-tế vô-cùng quan trọng trong trận Đệ-nhất Thế-chiến.

Sau khi đọc các sách báo và tài liệu chính thức về Mata-Hari và nghiên-cứu bản án kết tội tử hình nàng nữ gián điệp rất hấp dẫn ấy, chúng tôi có thể viết ra bài này, nói tất cả sự thật liên-quan đến lịch sử Thế giới Chiến tranh.



**Cô gái 19 tuổi chơi
« Tìm bạn bốn phương »**

Sau khi vụ Mata-Hari đổ bể làm xôn xao dư luận cả Âu-Châu Á-Châu và Mỹ-Châu, các giới ngoại giao, quân sự, và đại-tư bản ở các thủ đô lớn mà đa số đều có quen biết nàng, đều đồn rằng nàng là một cô gái bí mật sinh ở một nơi rừng núi ở miền Nam Ấn-Độ, cha là người đạo Bà-la-môn, mẹ là một bà phú thủy. Vừa ra chào đời, người mẹ đem dâng nàng cho Thần Civa và ở luôn trong đền thờ Thần. Ngay từ bé nàng đã học những điệu vũ huyền bí của Ấn-Độ để múa trong các cuộc lễ cúng Thần. Sau đó nàng qua Âu-Châu, nhập vào các ban vũ nhạc được khách tài hoa hâm chuộng, và nhiều người say mê...

Sự thật không phải như thế.

Mata-Hari cũng không phải là tên thật của nàng. Chính nàng đặt ra cái tên hấp dẫn ấy để giấu lai lịch của nàng đó thôi.

Nàng tên chính thức là MARGARETHA-ZELLE, sinh ngày 7

tháng 8 năm 1876 tại Leeuwarden, xứ Holland (Hoà-Lan), thuộc về Tây-Âu, ở phía Bắc nước Pháp và nước Bỉ. Cha nàng tên là Atam-Zelle có một tiệm bán mũ trong tỉnh, rồi sau bị vỡ nợ, làm nghề đi bỏ mối hàng. Mẹ nàng làm nội trợ.

18 tuổi, nàng thi đỗ Trung học, vào học trường sư phạm ở Leyde, nơi đây từ các vị giáo-sư đến ông Hiệu-trưởng đều say mê sắc đẹp của nàng. Nhưng nàng không thích học nữa, vì nàng bảo không thích làm nghề dạy học. Nàng ưa mơ mộng, ham mê tiểu thuyết, và cứ ước ao được gặp một « Hoàng tử đẹp trai ». Nàng bỏ tỉnh, lên Thủ-đô La Haye ở trọ nhà một ông chủ, và không làm gì cả. Nàng thường mua báo *Het Nieuws von den Dag* (Tin-hàng-ngày), vì trong báo này có một trang « *Tìm bạn bốn phương* ». Nàng gửi đăng mấy giòng tìm bạn, đồng thời nàng đề ý đến một lời rao sau đây trong số báo ngày 27 tháng 1 năm 1895: « *Đại úy của quân đội Viên-Chinh, đóng ở Ấn-Độ, được về nghỉ phép tại*

Hoa-lan. muốn kiếm một người vợ đẹp và có chút ít vốn, »

Nàng viết thư cho chàng Đại-úy. Đồng thời chàng cũng viết



*Cựu Nữ-sinh Sư-phạm
Margaretha Zelle, 19 tuổi*

thư cho cô Nữ-sinh 18 tuổi mà lời rao « tìm bạn » cũng được đăng ngay bên cạnh lời rao của chàng cùng trong một số báo.

Hai tháng sau, hai người trao đổi ảnh cho nhau và hẹn gặp nhau lần đầu tiên ngày chủ nhật 24-3-1895 trước Bảo-tàng-viện Rijksmuseum, ở thành phố Amsterdam.

Đại-úy MAC LEOD kể chuyện Ấn-Độ cho cô Nữ-sinh MARGARETHA ZELLE nghe... Nàng nghe mê say những chuyện huyền bí của một xứ thuộc địa đầy những vị thần quyền rũ. Nàng tưởng



Đại-úy Mac Leod, 30 tuổi

tượng vị Đại-úy Hoa-Lan cũng thăm nhàn rất nhiều phong độ huyền bí Á-Đông như một vị thần sống có đôi mắt thôi miên, 1 bộ râu khả ái. Chàng mặc bộ đồ đồng phục của Quân-đội Viễn-Chinh, sắc sảo, oai nghi, không khác nào một vị « Hoàng tử đẹp giai » mà nàng thường mơ ước.

Chàng thì bị sắc đẹp của nàng thu hút ngay từ giây phút đầu tiên.

Hai người yêu nhau. Đám cưới được cử hành ngày 11-7-1895 tại tòa Đô chánh Amsterdam, trong lúc nàng đã có thai 3 tháng. Ngày 30-1-1896, nàng sinh một đứa con trai, tên là Norman.

Hết hạn nghỉ phép, ngày 1-5-1897 chàng được đổi đi Java, ở quần đảo Indonesia (Nam-Dương). Chàng đem nàng theo. Thế rồi cuộc đời buồn trôi không có gì lạ trong cuộc sống chung của đôi vợ chồng mới mà tình yêu đã dần dần phai nhạt. Chàng chỉ là một quân-nhân, không đem lại hạnh phúc nào mà li nữa như hồi mới yêu nhau. Nàng mỗi ngày mỗi đòi hỏi những nhu cầu mới, xa xỉ, và không thích hợp với tâm hồn và đời sống của chàng.

5 năm qua, nàng sanh thêm một đứa con gái, tên là LOUISE JEANNE, rồi gia đình trở thành

một địa ngục. Chàng chán ghét nàng, đi uống rượu suốt ngày với bạn bè. Về nhà, là hai vợ chồng gây gổ.

Năm 1902, Đại-Úy MacLeod xin về Hòa-Lan. Chàng đem vợ về, tưởng để tạo lại không khí yêu đương của thời thơ mộng, không ngờ chính là để hai người đưa đơn ly dị.

Ngày 30-8-190, tòa án Amster-dam xử cho hai người ly dị, người chồng phải trợ cấp cho người vợ mỗi tháng 100 Florins (đồng bạc Hòa-Lan).

Nàng đã 26 tuổi, và quyết định làm lại cuộc đời để trả thù cuộc tình duyên dang dở của tuổi hoa niên ngày thơ, còn thiếu nhiều kinh nghiệm.

Cuối tháng 10-1903, nàng mua vé tàu qua Paris, thủ đô nước Pháp. Paris ! Nàng thường nghe người ta khen Paris là « kinh đô ánh sáng của Âu Châu ». Nàng quyết bỏ lại cuộc đời đen tối ở Hòa-Lan, để đi tìm ánh sáng của Paris !

Trước hết, nàng đổi tên là MATA-HARI và tự nhận là lai Ấn-độ, để làm nghề vũ nữ, múa những vũ khúc Ấn-Độ mới lạ mà nàng đã từng chứng kiến ở Indonesia...

KỶ SAU: Có vũ nữ lừng danh Quốc tế

9 NGÀY ở Trung tâm 3

tuyển mộ và nhập ngũ

BÚT KÝ

★ NGUYỄN-THU-MINH

(tiếp theo P.T. 196)

Bằng nụ cười cười mở dễ mến, trung sĩ Khôi đáp :

— Thay phiên nhau vậy.

Giữa lúc đó, trung sĩ Dương từ ngoài bước vào nhìn thấy tôi, Noãn đang quay quần cùng các bạn ở chiếc bàn dài đối diện với trung sĩ Hạnh, chào hỏi có vẻ ngạc nhiên :

— Ông vẫn còn đây sao ?

Noãn đáp nhỏ :

— Vẫn chưa có tên về trung sĩ ạ.

Trung sĩ Dương thân nhiên đi đến tủ đứng lấy ra một xấp giấy đánh máy, bước lại bàn chúng tôi, nói :

— Ông nào rồi nhờ dò hộ tôi bản danh sách này. Nếu sai với bản chính thì cho tôi biết chứ đừng tự động sửa nhé.

Tôi gật đầu nhận rồi trao sang Hải, Tuấn :

— Hai ông dò hộ đi. Tụi mình làm một chốc rồi về là vừa.

— Tuấn cười nhìn tôi :

— Có việc ngồi làm ở đây mà vui hơn. Về trại chán lắm.

Hải đũa :

— Thôi, làm việc đi các cha, ngồi nói chuyện suông sao ?

Thanh xen vào :

— Ngồi nghĩ một tí đã sao.

Miệng tuy nói vậy nhưng ai nấy đều chia nhau làm rồi. Kẻ đọc tên, người dò, người trái giấy, người đóng dấu. Chúng tôi làm việc hăng say và thích thú như làm cho mình. Chợt có tiếng trung sĩ Hạnh nói với trung sĩ Khôi :

— Mời đó mà hôm nay thứ bảy rồi, mau quá.

Trung sĩ Khôi vừa đánh máy vừa hỏi lại :

— Tuần này cô Hạnh về hay ở lại ?

Trung sĩ Hạnh cười rất duyên.

— Tuần này về.

Tôi nhìn sang trung sĩ Hạnh :

— Cô Hạnh về Saigon hay đâu ?

Người nữ quân nhân nhìn tôi nở nụ cười, đáp nhẹ :

— Tôi về Saigon chứ.

— Saigon, nhưng cô ở đường nào ?

— Hồng Thập Tự.

— Ngày hai buổi về đây làm việc cô đi chắc mệt lắm nhỉ ?

Trung sĩ Khôi nhìn tôi :

— Cô Hạnh đi bộ đấy. Ghê không ?

Trung sĩ Hạnh mím môi :

— Trung sĩ Khôi đũa tôi hả.

Noãn nhìn tôi, nhìn trung sĩ Khôi, nhìn người nữ quân nhân :

— Chắc cô Hạnh có người đưa rước ? Xe hơi thì đi mấy chiếc.

Người nữ quân nhân mang tên Nguyễn thị Hạnh lắc đầu đáp giọng bình thản :

— Ôi dà ! Ở đây mà xe hơi.

Trung sĩ Khôi :

— Cô Hạnh nhiều nhà lắm. Saigon cũng có mà đây cũng có.

Tôi hỏi tiếp :

— Cô Hạnh ở Hồng thập Tự đoạn nào nhỉ ? Gần Bùi Chu không ?

Trung sĩ Nguyễn thị Hạnh nhìn tôi cười không đáp. Nàng cười như e thẹn, đôi má đỏ hồng. Sau nụ cười, nàng cúi xuống bàn bí hoáy viết đề rửa mái tóc xoắn xuống đôi bờ má trông đẹp lạ lùng. Tôi nhìn dáng

điệu vô tình ấy mà bồn chồn trong dạ. Lòng thầm mong nàng đừng ngược lên. Đừng nói, đừng nhìn tôi, đừng nhìn ai. Bao nhiêu nguyên vẹn của cái đẹp ấy không tan vỡ. Mùa hạ đừng vội về tàn tạ mùa Xuân. Nhưng trong khoảnh khắc nàng đã ngược lên, tôi ngỡ ngàng cúi xuống tiếc thầm một cái gì đã mất.

Người yêu đã bỏ đi với kẻ lạ.

Tôi nói cùng Noãn :

— Nàng đẹp, đẹp như cánh mai rừng.

Noãn bắm nhẹ tay tôi :

— Cậu liệu hồn.

— Minh chỉ nhìn cái đẹp, đừng nghĩ bậy.

Noãn cười, tôi cười, Châu, Phúc cùng nhìn tôi, Noãn cười.

Noãn nói thầm vừa đủ tôi nghe :

— Ngày về... cậu viết bài có nhớ để hình ảnh này vào không ?

— Phải có là điều chắc.

— Viết truyện dài tha hồ cho cậu tán.

— Minh không viết truyện dài mà viết bút ký. Viết về trung tâm này qua những hình ảnh của chúng mình đã sống, bạn bè đã

sống, đã từng nhớ thương. Và thế nào trước ngày về, mình cũng xin gặp trung tá để rõ sự tổ chức và điều hành ở đây chẳng hạn như khu đủ sức khoẻ mà bọn mình không đặt chân đến, trường hợp bị bắt và trình diện ...v. v...

— Để gì gặp cậu. Tụi mình ở đây thì sức mầy.

Lời bàn tán của chúng tôi có lẽ trung sĩ Khôi nghe được, nên trung sĩ Khôi vội nói :

— Cậu muốn gặp Trung tá chỉ huy à ?

Tôi nhìn trung sĩ Khôi gật đầu dò hỏi. Trung sĩ Khôi cười :

— Cậu gặp có việc gì không ?

— Bí mật nhà nghề mà. Trung Tá có khó không trung sĩ ?

— Ông vui tính và tốt lắm. Cậu gặp sẽ biết.

— Làm thế nào gặp được ?

— Cậu đi vòng ra sau này nói với mấy ông ở trước xin vào gặp được ngay.

— Tôi đi khơi khơi lỡ mấy ông hướng dẫn bắt gặp làm khó dễ thì nguy.

— Không sao đâu. Cậu cứ nói

cậu xin gặp trung tá chỉ huy trưởng.

Trung sĩ Hạnh nãy giờ ngồi nghe vợ nói :

— Trung tá đi vắng rồi. Chỉ có Thiếu tá chỉ huy phó thôi.

— Thiếu tá Chỉ-huy-phó hiện nay là ai hở cô Hạnh?

— Thiếu tá Cần.

— Vậy tôi xin gặp thiếu tá chỉ huy phó, được không cô ?

— Văn phòng Thiếu tá kể bên đây, căn bia đầu. Vừa nói người nữ quân nhân đưa tay chỉ về hướng tay mặt của nàng ngồi.

Tôi nói lời cảm ơn rồi đứng dậy đi về hướng nàng chỉ. Nhưng vừa đi vòng ra sau được vài bước, một hướng dẫn viên đứng ở phòng bệnh gọi giật lại hỏi :

— Anh đi đâu ra ngã này ? Làm việc xong thì đợi về trại chứ. Đi bậy sẽ bị bắt đấy !

Tôi ngược nhìn người hướng dẫn :

— Tôi xin gặp Thiếu-tá...

Chợt trung sĩ Dương từ đầu trò tới vội đỡ lời hộ tôi :

— Cho ông nầy vào gặp Thiếu tá có việc...

— Vậy chờ tôi tí đã.

Nói rồi người hướng dẫn bỏ đi, để mặc tôi đứng ngơ ngác trông theo đợi chờ. Thay vì người hướng dẫn đi về hướng văn phòng, ông ta lại đi ra ngã khác. Thấy vậy, lại nhân cơ hội không ai canh chừng, tôi mạnh dạn tiến đến văn phòng thiếu tá chỉ huy phó qua tấm bảng hiện rõ trước mắt. Khi vừa đến trước cửa văn phòng thì một thiếu úy ở trong chạy ra, hất hàm hỏi :

— Anh đi đâu ? Hỏi gì ?

Tôi bình thản đáp :

— Tôi xin gặp Thiếu tá...

Nghe nói vậy, Thiếu úy đang hỏi tôi hơi ngạc nhiên, chưa định trả lời ra sao thì có tiếng của Thiếu tá nói vọng ra :

Mời vào đi thiếu úy.

— Anh vào đi.

Tôi nói lời cảm ơn người thiếu úy rồi bước vào văn phòng Thiếu tá. Nhìn tôi, Thiếu tá chỉ huy phó cười hỏi ngay :

— Có chuyện gì không, anh ?

Tôi chào đáp :

— Thưa Thiếu tá, tôi là trại sinh ở khu bắt lức. Trước khi được trả về nguyên quán, xin được gặp Thiếu tá...

— Việc gì đó ?

— Dạ, xin được hầu chuyện thiếu tá... vì tôi dự tính viết một thiên bút ký về trung tâm này.

Thiếu tá cười chỉ về phía Salon:

— Ông ký giả muốn phỏng vấn tôi gì đây ? Mời anh ngồi ghé chờ tôi một chốc.

Trong lúc ngồi chờ thì trung úy Trang—bạn học cũ—từ ngoài bước vào chào Thiếu tá xong, quay sang tôi :

— Minh ! Vào làm gì đây ?

— Minh xin gặp Thiếu tá có tí việc.

— Khoẻ luôn chứ ?

— Cảm ơn, vẫn thường. Trung úy thế nào ?

Trang nhìn tôi hơi chau mày về cách xưng hô :

— Gọi trung úy làm gì cậu.

Tôi, Trang cùng cười thông cảm. Hình bóng ngày xưa hiện về phảng phất ở lòng tôi, lòng Trang. Vài kỷ niệm được nhắc tới đầy luyến tiếc cảm hoài. Rồi

trong một thoáng ngạc nhiên Trang hỏi :

— Sao cậu không đi Thủ-Đức mà vào đây ?

— Ai cho mà đi.

Trang bỡ ngỡ :

— Sao lạ vậy ? Cậu không khai văn-băng à ?

Tôi cười :

— Văn-băng đầu có mà khai.

Đến đây có một trung úy bước lại gọi Trang đi có việc nên câu chuyện đành phải bỏ dở. Trước khi từ giã tôi Trang bảo :

— Rồi nhớ ghé nhà mình chơi nghe.

Còn lại một mình, tôi ngồi nhìn lên trần nhà với bao ý nghĩ dồn dập đến rất xa xôi, rất mơ hồ, độ 5 phút tại Thiếu tá bước đến ngồi đối diện, nở nụ cười hiền hỏi :

— Định phỏng vấn gì tôi đây ?

— Dạ đầu dám làm một cuộc phỏng vấn. Chỉ xin Thiếu tá cho phép tôi được hỏi thăm Thiếu Tá vài điều để được đầy đủ cho thiên bút ký thôi. Ngưng một chốc, tôi lại tiếp :

— Thưa thiếu tá, trường hợp

những người tự động đi trình diện và bị bắt vào đây có khác nhau gì không ạ ?

Thiếu tá Cần lấy thuốc ra mời tôi, rồi chậm rãi đáp :

— Vào đây thì không khác, nhưng khi ra quân trường sẽ khác, ru tiên cho những người đi trình diện.

— Thưa về người Việt gốc Hoa ?

— Cũng không khác nhau gì cả như anh đã thấy.

— Dạ như hạng tuổi nào vẫn còn trong vòng thi hành nghĩa vụ quân sự ?

Vấn từ 20 tới 30. Trường hợp có người đã 31, 32 là vì trong thời gian đúng tuổi đó họ đã trốn tránh, không chịu thi hành nghĩa vụ quân sự. Nếu họ trình diện đảng hoàng, quá tuổi, chúng tôi sẽ cho trả về nguyên quán ngay.

— Thưa trường hợp nào những người được xếp vào hạng bất lực ?

— Vấn đề này anh cho tôi miễn nói. Chỉ biết rằng những người bị bệnh lao phổi và thiếu cân là được hoãn một thời gian dài ngắn tùy theo y

chứng của bác sĩ. À, anh thấy ăn uống ở đây ra sao ?

— Thưa, dạo này đỡ hơn dạo trước còn ở khu trung tâm cũ.

— Vấn đề ăn uống chúng tôi để ý luôn. Hiện tại Bộ áp dụng cho mỗi khẩu phần ở trung tâm này là 22đ,10 một ngày. (1)

— Thưa Thiếu tá, trường hợp có những người còn khiếu lực mà vẫn bị bắt là tại lý do nào ?

— Những người đó, sở dĩ bị bắt lại là vì lúc đi đường không chịu đem theo đầy đủ giấy tờ. Và cũng có trường hợp nhiều người vào đây chẳng hiểu sao lúc khai lý lịch họ khai tên khác với thẻ kiểm tra, đến năm tháng sanh cũng vậy. Nhưng vào đây chúng tôi cũng tìm ra được. Có những người bị bắt vào đây xét giấy tờ còn hiệu lực 5, 7 hôm, tôi vẫn cho về.

— Thưa Thiếu tá, những người vào đây kể từ ngày nhập trại đến lúc trở ra về nguyên quán độ bao lâu ?

— Độ 4 hôm. Tối đa là bảy hôm. Đó là nói về ngày trước Còn nay thì độ 15 đến 20 hôm vì còn phải chờ ra Hội đồng miễn Dịch, mà Hội Đồng chỉ nhóm mỗi tuần hai lần mà thôi, và

(1) *Bảy giờ tăng lên 33 đồng.*

cũng tùy đồng người hay ít người nữa.

— Thưa, như vấn đề tập dịch, tại sao phải có như vậy ?

— Thiếu tá Cần nhìn tôi cười :

— Sở dĩ có vấn đề tập dịch là cốt ý để anh em hoạt động cho khuây khỏa, đôi khi cũng vì thiện chí,, mình làm như mình làm cho mình, cho anh em bạn mình kẻ trước người sau được ở sạch sẽ.

Câu chuyện tôi đây thì Đại Úy Út bước vào cùng trung úy Giỏi và tiếp đến Trung úy Ngạc mà tôi đã hơn một lần gặp mặt ở Trung tâm cũ. Sau cái bắt tay chào hỏi thông thường. Thiếu tá Cần giới thiệu tôi với Đại úy Út, Trung úy Ngạc :

— Đây sẵn có Trung úy Ngạc,

(*Còn nữa*)

Đón đọc :

9 ngày ăn cơm lính

của NGUYỄN-THU-MINH

phát hành vào trung tuần tháng 8-1967.



CON CHÓ PHẢI

● Ô. GIÁO - PHAN

(Châu-Đốc)

NGƯỜI Mỹ sang Việt-Nam rất đông, song chỉ một số ít biết nói tiếng Việt, trong khi đó nhiều người Việt từ đứa bé đến cô gái, đàn bà, người lớn, học nói tiếng Mỹ.

Lâu rồi, một giáo sư, người Anh, có đến Sài Gòn diễn thuyết về môn *Văn phạm Việt-Nam* cho người Việt nghe, trong khi đó có biết bao nhiêu nhà trí thức Việt-Nam nói tiếng Việt chưa rành. Mía mai vậy thay !

Người Pháp thì đa số nói tiếng Việt khá khá vì gần 100 năm sống chung họ tìm hiểu tập nói để mà khai thác đồ họ cho dễ. Các ông Cố Đạo Thiên-Chúa-Giáo, người Âu, chẳng những nói rành tiếng Việt, lại còn bày ra chữ quốc ngữ cho dân Việt-Nam dùng thay cho chữ Hán và chữ Nôm. Về mặt chánh trị chiếm đất Việt Nam ta khi người Pháp vừa sang « Quan thầy Pháp » khuyến khích, và bắt buộc mỗi gia-đình khá-già phải cho một đứa con trai đi học

CON CHÓ PHẢI

chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Lúc đó, lòng người Việt còn lưu luyến Cựu-Trào nên ít ai chịu cho con mình theo học chữ Tây. Nhưng lệnh đã ra, mấy nhà giàu dùng phương tráo gói, mượn con nhà nghèo trong xóm hay cậy người giúp việc trong nhà cho con họ đi học thế cho con mình. Không ai dè đó là một dịp may lớn cho con nhà nghèo ! Phong trào đó được gọi là « đi học mượn ».

Nhiều vị kỹ sư, « bác vật » Bác Sĩ kỳ lão ngày nay ở miền Nam chính là đã ở trong trường học đó. Như ông Diệp văn Cương trước kia được đi học là nhờ hoàn cảnh thuận tiện « đi học mượn ». Con nhà nghèo, nhưng ông rất thông minh, lại có chí, thành ra Ông học thật giỏi, thi đậu cao, sau nên danh, lãnh chức vụ quan trọng trong ngành giáo huấn, Lại chỉ thời đời hay đổ kỹ ! Mấy kẻ ít học, nào biết rõ giá trị con người, thấy ông không phải là Ông Phủ, Ông Huyện, làm việc Tòa hay « đứng bàn ông Chánh » mà chỉ là một ông Đốc-Học, một ông Thanh tra Học-hành nên họ có ý khinh mạn, dễ dui. Ngoài tên họ Diệp văn Cương

ông còn có biệt hiệu là Kim-Cương ai ai cũng đều biết.

Một hôm, trong làng sở tại có cúng đình. Hương chức mời dự tiệc tại bàn giữa mấy ông lớn ; hai bên, ở các bàn gần đó, là công chức nhỏ, hương chức làng, giáo viên. Kế bàn giữa, có lễ rượu vào lời ra, thình lình một người bô bô nói lớn :

— Cái tiểu An - Nam mình lời thôi vậy mà khó nói trúng lắm phải chơi sao, các ông thí dụ như : Con chó đen thì kêu là con chó mực, con mèo đen, thì gọi là mèo mun ; con ngựa trắng thì nói là ngựa kim, con chó trắng, lại kêu là chó cò ! Các ông thử nghĩ mà xem, cò hay kim, thú vật vẫn là thú vật, chó đâu có lẽ thấy nó lớn mà kêu tưng là ngựa kim. còn thấy con chó nhỏ mà khi nó, gọi nó là chó cò ! Cho nên, chết xuống Âm phủ, chó cò và ngựa kim kéo nhau ra trước Diêm Vương mà kiện thưa nhau, con nào cũng cho là mình phải hết.. » Nội bàn cười rộ lên, không dè ý đến bàn giữa Ông Kim - Cương này giờ lóng tai nghe, biết người ta chửi xỏ mình, nhưng mặt ông vẫn điềm nhiên. Kế ông day qua

CON CHÓ PHẢI

ông bạn ngồi gần bên, hỏi nhỏ :
« Ông nào nói chuyện nghe hay
quá vậy ? » ông nọ trả lời : « Ôi !
thằng cha xã Phải, tới đâu ăn
uống cũng hay nói xõ xiên om sòm,
hơi nào mà nghe thẳng chả ! »

Tiệc gần tan, tới tuần tráng
miệng, uống trà. Ông Kim-Cương
xoay ghế ra, ngồi ngó ngay qua
bàn chú xã Phải rồi cất tiếng nói
lớn. Này, chú xã, chuyện chú nói
hồi này nghe hay quá, sao chú không
nói hết cho bà con nghe luôn ?

— Dạ thưa, tôi biết có bao
nhiều đó thôi.

Chú xã Phải vừa trả lời như
vậy, thì ông Kim-Cương nói tiếp :

— Diêm-Vương có xử đàng-
hoàng chớ... ».

Nói tới đó, ông ngưng lại,
mấy người ngồi chung bàn với xã
Phải nhao nhao tới :

— Diêm vương xử sao đó,
Quan lớn ?

Ông Kim-Cương buông thông
một câu :

— Diêm-vương xử : CON
CHÓ PHẢI !



● Vỡ mộng

Đang yêu nhau, là xây mộng đẹp tuyệt vời.

Lấy nhau, là bắt đầu vỡ mộng.

D. H.

Bí kịch Xã-hội thời đại

(3 MÀN)

TRÚC MỘC

● NGUYỄN-HỮU

(Tiếp theo 196)

(Thêm NHÃ)

NHÃ : (Ở trong đi ra nét mặt u
buồn, đến bên Bà Cả) Xin mẹ
bớt giận và tha lỗi cho anh
con, con xin làm theo ý mẹ,
con sẽ đi ra Bắc Vĩ-tuyên và
tìm đem cô Ngọc về cho mẹ.

HÒA : Chị nói chí-lý, mẹ ơi,
chị Thanh Thuận đi rồi đấy
mẹ, mẹ tỉnh lại đi.

Bà Cả THỌ : (Giả vờ mệt) Tôi
cỏ sau đây, các người để mặt
tội (vùng đứng dậy vẫy Thuận)
Thuận, con đem mẹ về con.

THUẬN : (Đỡ Bà Cả Thọ đi
ra cửa) Anh đã sáng mắt anh ra
chưa !

NHÃ và HÒA : (Cùng tíu-tít
chạy theo ra cửa).

THANH : (Ngồi phịch xuống
ôm đầu chán-nản).

NHÃ : (Trở lui) Anh, sao anh
lại cãi to tiếng với mẹ như
vậy — Anh còn lạ gì tính mẹ
nữa.

THANH : Anh không thể chịu
nổi cái tính-khí ngoa ngạnh, xỏ
xiêng của vợ chồng thằng
Thuận được.

NHÃ : Thì anh nhìn nhục có
là phải hơn không.

THANH : Nhìn sao nổi với
quân cường khấu ấy được. Anh
đã bảo em ở trong kia, chứ
chạy ra làm gì. Em nhận bừa
với mẹ như vậy rồi sẽ ra sao ?

NHÃ : Em đã tính kỹ rồi, em
sẽ đi nội trong vòng tuần lễ thôi.

Con để ở nhà, em nhờ bà ngoại trông nom hộ. Có sao đâu mà anh lo.

THANH : Nhưng anh không muốn em hy sinh giữa lúc vợ chồng thằng Thuận ở nhà lêu lổng — Hơn nữa, em nhớ kỹ rằng : «Me vẫn ghét bỏ em, thành kiến với em, thì sự hy-sinh kia chưa có lợi ích gì cho hạnh phúc gia đình chúng ta ».

NHÃ : Em thì em nghĩ khác. Anh nên vui lòng chiều ý em, cho giữ trọn lời em đã hứa với me. Dù me có thành kiến ghét bỏ thì chính bản phận em là đầu con càng phải tỏ ra kính mến vâng lời, mặc dầu em biết chuyến đi này đầy chồng gai, nguy hiểm, em biết thâm ý của me thế nào rồi — Nhưng em không nệ hà, không quản gian nguy, và em tin rằng trời sẽ không ghét bỏ em, anh hiểu em là đủ.

THANH : Em đi, anh không đành lòng — Hơn nữa, con chúng ta còn quá non nữa. nếu có bề nào thì gia đình ta ra sao ?

NHÃ : Em phó mặc cho số mệnh và tin tưởng ở tình thương yêu của anh.

Cốt sao để me và vợ chồng chú Thuận hiểu thấu để thương yêu chúng ta hơn.

THANH : (Suy nghĩ) Anh, anh không thể để em đi như thế được. để anh sẽ tìm cách khác. NHÃ : Ngày đóng tuyến đã gần đến, trì hoãn không lợi gì. Rồi gây thêm oán hận cho me nữa.

(Thêm NHIÊU)

NHIÊU : Thưa cậu, điện thoại của Thiếu tá Sư đoàn Trưởng mời cậu vào Sư đoàn có việc khẩn cấp.

THANH : Thôi được. để anh vào Sư đoàn đi công tác đã.

Ngày về, chúng ta sẽ định liệu.

NHÃ : Anh đi thời gian bao lâu ?

THANH : Nhiều lắm là 5 ngày. Thôi anh đi đây, em ở nhà nuôi con và gắng vui vẻ nhé.

(THANH đi)

NHÃ : (Tiễn Thanh ra cửa, đứng gác đầu vào cửa suy nghĩ, rồi trở vào ngồi ở ghế).

NHIÊU : (Dọn dẹp bàn ghế, tỏ vẻ thương hại cho chú) Thưa mẹ, hồi nãy khi cậu cháu lên gác nghe điện thoại, con có nghe Bà và cậu vợ Thuận bàn

bạc với nhau rằng : « Phải buộc cậu để mẹ đi. Dù mẹ có mệnh hệ nào thì cũng là một cách giải quyết để cậu ở nhà lấy vợ khác ». Cháu nghe vậy thật tức đến phát ớn lạnh. Mà tại sao mẹ lại nhận lời. Mẹ chưa biết sự kiểm soát gắt gao và thủ đoạn nguy-hiểm của Việt-Cộng chúng nó kiểm soát từ Việt-tuyến 17 trở ra. Chuyến con đi may mắn lắm không thì khó mà trở về được. Mẹ nên suy nghĩ lại kỹ càng kéo mắc mưu Bà và cậu vợ Thuận rồi gia đình cậu mẹ phân tán, con dại biết nương cậy vào ai.

NHÃ : (Khóc) Tôi hiểu rõ cả, anh đừng nói nữa. Me tôi và vợ chồng chú Thuận, vì ghét bỏ tôi muốn giết tôi không grom không dao để thỏa lòng thành kiến. Muốn tôi chết đi để chồng tôi sẽ lấy vợ khác vui vầy hạnh phúc mới. Nhưng, như anh hiểu, tôi đã làm gì nên tội. Từ ngày tôi lấy nhà tôi, chúng tôi ăn ở thế nào, với me, với anh em bà con bên chồng, chính anh ở trong gia đình tôi, anh hiểu hơn ai hết.

NHÃ : (Nói tiếp) Tôi cầu nguyện sao cho me tôi và vợ chồng chú Thuận sớm hiểu và thương yêu gia đình chúng tôi hơn.

NHIÊU : Nhưng cháu xin mẹ đừng dại mà nhận lời đi ra Bắc Tuyến — Vì cháu đã đi cháu hiểu, nguy-hiểm lắm.

NHÃ : Anh Nhiều à, tôi ra đi vì tôi đã nghĩ kỹ. Tôi không vì tự ái mà đi, không vì oán cừu hay bất mãn mà đi. Tôi ra đi vì không muốn chồng tôi phải ân hận, phải buồn khổ và mang tiếng là bất hiếu. Tôi đi vì tình yêu thương, mà yêu thương thì phải biết hy sinh, không ích kỷ, hẹp hòi. (Giữa lúc đó có tiếng khóc của Tuấn vọng ra nên Nhã vội vã) Thôi, anh xem dọn dẹp nhà cửa, tôi phải vào trong với cháu và còn sửa soạn đi lo giấy tờ (đi vào, có tiếng ru con).

NHIÊU ; Dạ, mẹ để mặc cháu (nói một mình) Hồng-nhan e rồi gặp cảnh bạo mệnh. Khi không nhận lời mà đi thật là chuốc lấy vào thân cái nợ trần ai.

NHÃ : (Bồng con, xách bóp đi ra) Anh Nhiều này, bây giờ tôi phải đem cháu lại đàng bà ngoại nhờ săn sóc hộ. Tôi còn phải đi lo các giấy tờ để kịp đi cho đúng thời hạn. Anh ở nhà chịu khó trông nhà cửa cho.

NHIÊU : (Thiều não) Mợ, nhất quyết đi thật à ?

NHÃ . (Cảm động) Vâng, tôi

nhất quyết đi (tiếng con khóc ôm sát con vào lòng) — Thôi, anh ở nhà. tôi đi đây (nói xong vụt chạy nhanh ra cửa cố ý dấu sự cảm xúc).

NHIÊU . (Đứng tựa cửa nhìn theo, khóc rưng rức rồi từ từ đi vào nhìn cảnh nhà lạnh lẽo. tỏ vẻ cảm động tột độ nên phát ra tiếng khóc lớn...)

(màn hạ nhanh)

(còn nữa)



★ Người chồng lý tưởng

« Người chồng lý tưởng là người biết đối xử với vợ một cách hết sức dịu dàng như đối xử với chiếc xe mới mua ».

(Le mari idéal est celui qui sait traiter sa femme avec autant de douceur que sa nouvelle voiture)

Armand Isnard

(Văn sĩ trào phúng Pháp)

★ Lời trạng sư

« Thân chủ của tôi làm nghề mãi dâm, vâng, đúng thế. Nhưng hồ sơ của nàng rất là trong sạch ».

Luật sư D.H.

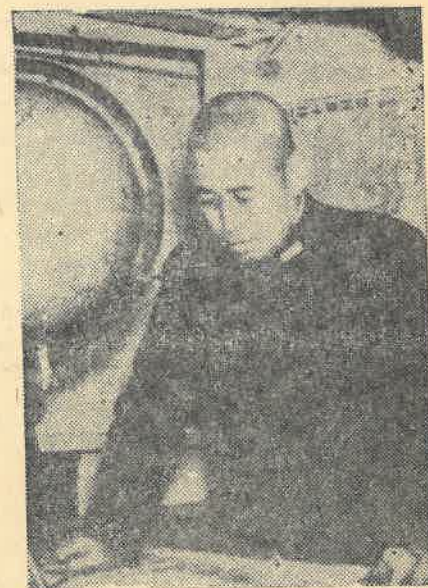
Nhật - Mỹ :

YAMASHITA

và

MAC - ARTHUR

★ NGUYỄN-TÀN-BI



YAMASHITA

Tướng Tomoyuki Yamashita của Nhật-Bản cũng như tướng D.Mac Arthur của Mỹ, đều là những danh tướng của thời Đế Nhị thế chiến 1939-1945. Nếu tướng Đông Điều đã ôm ấp mộng Đại Đông-Á, thì chính tướng T.Yamashita đã giúp cho mộng ấy sớm thành sự thật. Ngày quân Nhật đặt chân lên Bán đảo Đông-Dương, là ngày mà quân đội Anh, Pháp Mỹ bắt đầu ném những thất bại chua cay trước con người tài ba

này. Cũng như T. Yamashita, tướng Mac Arthur đã nổi tiếng nhờ tài ba của Ông, khi danh tướng này giải-phóng Phi-Luật Tân và chính Mac Arthur đã dẫn T.Yamashita vào con đường cùng. Đến đổi về sau này, vì muốn cứu cả một Bộ Tham Muu có nhiều tướng trẻ, T.Yamashita đành phải làm một điều trái lại tinh thần Võ-sĩ-đạo, là đầu hàng quân Đồng-Minh rồi ra tòa án cam chịu tội tử hình.

Hai danh Tướng Âu-Á ấy, trên chiến trường chưa bao giờ chịu khuất-phục trước đối phương. đem tên tuổi mình hiên-ngang đi vào Lịch-sử ngay lúc còn sống, đã gặp nhau ở một điểm: thất bại phía sau lưng.

Trong quyền Le Cid, lúc Rodrigue, nhân vật chánh trong vở kịch thơ của Corneille, khị sắp so gươm với bá-tước Don Gormas, nhạc-gia tương lai của anh ta, anh ta đã thốt: «Ton bras est invaincu, mais non pas invincible», thật là chí lý (tay Ông chưa lần thất bại, nhưng không phải là không thua.) Thật vậy, dù là danh tướng tài ba tới đâu đi nữa, rồi cũng phải có lần thua. Napoléon, chịu giam mình trên đảo Sainte Hélène, đã chứng minh điều đó.

Nhưng có điều trong cái thất bại của Tomoyuki Yamashita hay của Mac Arthur chưa đặng nhiều chua xót hơn. Là danh tướng, đáng lý ra họ phải thất bại trên chiến-trường như câu nói của phương Đông chúng ta: «Da ngựa bọc thây.» Có lẽ, nếu được như thế, ngày nay dưới lòng đất sâu, hai danh tướng trên cũng ngậm cười thỏa dạ.

Từng nắm giữ sanh mạng của hàng chục vạn quân trong tay, vậy mà họ không có quyền quyết định cho sanh mạng của chính mình. Hai danh tướng này đã thua một trận chua cay nhất trong đời họ. Sở dĩ, phải dùng chữ chua cay là vì họ đã bị đồng đội ám hại, từ sau đánh tới. Xin nói mau, họ không bị ám sát, mà là bị sự tranh quyền cố vị, sự nhút-nhát chủ bại làm tiêu cuộc đời quân-nghiệp lừng danh.

Tướng Tomoyuki Yamashita, xuất thân là con một lương-y trong làng Osugi Mura, bên bờ sông Yoshino. Từng theo học trung học Kochi và sau này vào trường võ bị.

Hiroshima rồi sau vào học trường Đại học quân sự Đông Kinh. Tốt nghiệp năm 32 tuổi, Yamashita cưới vợ là Hisako, con gái của tướng Nagayama. Về sau, Yamashita được bổ làm phụ tá tùy viên quân sự tại tòa Đại-sứ Nhật ở Berne, Thụy-sĩ. Một sĩ quan trẻ tuổi khác tên Hideki Tojo (Đông Điều) cũng được bổ nhiệm vào dịp này. Do đó hai người quen nhau. Về sau,

khi Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ, trong khi Yamashita tung hoành ngang dọc trên chiến trường Đông-Nam-Á, thì Tojo giữ chức-vụ Thủ-Tướng chánh phủ Nhật.

Nói thạo tiếng Đức, cho nên Yamashita có thời kỳ đã giữ chức-vụ Tùy viên quân-sự tại Vienne.

Ngày chiếm Mã-Lai, Yamashita đã áp dụng một chiến thuật chớp nhoáng như Hitler từng làm ở Âu Châu. Đó là sự võ trang các vũ khí nhẹ nhàng cho quân đội, và phải di chuyển thật nhanh vì ở Mã-Lai đường rừng nhiều. Với chiến-thuật đó, Yamashita đã cho Sư đoàn 5 của mình dùng xe đạp để chiến thắng Mã-Lai đối đầu với tướng Anh là Percival.

Sau ngày Chiến thắng Tân gia Ba, tên tuổi Yamashita nổi như cồn trong hàng ngũ quân đội Nhật. Chính sự nổi tiếng này đã làm cho quân-nghiệp ông đồ võ hoàn-toàn.

Trong khi đang ngồi tại Tổng-hành-dinh soạn thảo bản phúc-trình mà Ông sẽ trình bày trước Nhật-Hoàng, « Con Hùm Xám

Mã-Lai » biệt hiệu của Yamashita, nhận được lệnh của Thủ Tướng Đông Điều, phải cấp tốc đi nhận chức Tổng-Tư-Lệnh Đệ I Quân-Đoàn đóng tại Mãn-Châu. Lệnh nói rõ, phải đi ngay, không được ghé qua Đông-Kinh thăm gia đình, như thường thường các tướng lãnh vẫn được nghỉ phép một vài ngày trước khi đi nhận chức-vụ mới. Cuộc thuyên chuyển bất ngờ này được giữ kín, chỉ có một số sĩ-quan cận Yamashita biết thôi.

Tại sao lại có quyết định lạ lùng như vậy của Đông-Điều? Tại sao Đông-Điều lại cư xử quá tệ với một người bạn cũ?— Tất cả về sau được vén màn bí mật. Sở dĩ, tướng Đông-Điều có quyết định thuyên chuyển Yamashita đi Mãn-Châu, là vì, ít lâu sau này, Ông được các báo cáo của cơ quan mật vụ cho biết thì đa số tướng lãnh ai cũng muốn cho Yamashita ra nhận chức Tổng-Trưởng Chiến tranh. Họ quả quyết rằng chức vụ này không thể lọt vào tay người khác, khi Yamashita đem chiến thắng Tân-Gia-Ba ra đọc trước Nhật-Hoàng.

Yamashita làm Tổng-Trưởng

Chiến Tranh, không lung lay gì đến chiếc ghế Thủ-Tướng của Đông - Điều thì tại sao Đông-Điều lại đi hại bạn? Thật nghĩ rằng nếu để cho Yamashita giữ chức Tổng Trưởng Chiến tranh, thì sau này những quyết định của Ông có liên quan đến chiến tranh sẽ bị cản trở khó khăn. Đông Điều nhận thấy giữa hai người thường không hợp nhau về chiến lược, nên vẫn có nhiều cuộc bàn cãi xảy ra luôn. Phải đổi Yamashita đi thật xa để vị

tướng này không dịp vào bệ kiến Nhật Hoàng. Trong khi đó, đích thân Thủ Tướng Đông Điều sẽ soạn thảo bản Phúc trình đọc trước Nhật Hoàng. Đồi Yamashita đi Mãn Châu còn là một đòn chính trị khéo léo. Đế Nhất Quân Đoàn đóng tại Mãn Châu là một đội quân ưu tú, nhiều Sĩ quan thêm muốn giữ chức vụ này. Được giữ chức vụ Tư lệnh Quân Đoàn I là một điều vô cùng danh dự cho sĩ quan, như Yamashita, tướng Đông Điều nghĩ như thế để qua mặt dư luận các cấp quân sự. Vì lòng đố kỵ, tán độc đoán, tướng Đông Điều muốn chỉ riêng một mình quyết định số phận quân



MAC ARTHUR

đội Phù Tang. Đến Mãn Châu, tướng Yamashita như một con hổ bị lùa rừng, không còn có cơ hội tung hoành như xưa nữa, vì ở Mãn Châu lúc bấy giờ quân đoàn I của Thiên hoàng chỉ có nhiệm vụ đóng giữ, chẳng đánh đấm với ai.

Đưa Yamashita về Mãn Châu, tướng Đông Điều còn có một mục đích là để tên tuổi Yamashita lu mờ đi trong hàng tướng lãnh. Sự thù ghét uy danh của một người bạn, của tướng Đông Điều đã đưa Yamashita đến tử địa.

Đông Điều chỉ chấp thuận đưa Yamashita trở lại chiến trường khi tình hình Phi Luật Tân trở thành bất lợi một cách tuyệt vọng cho quân đội Phù Tang. Lần này với chức vụ tư lệnh Đế Tứ quân đoàn, Yamashita phải đương đầu trước một đối thủ đang thời kỳ « có nhiều may mắn » : danh tướng Mac Arthur. « Con Hùm Xám » Yamashita đã mất đi cả thời kỳ oanh liệt, thuở chiếm Tân-gia-Ba. Bị quân đội Mỹ tấn công mạnh, lại phong tỏa các đường tiếp tế, 65.000 quân sĩ dưới quyền, càng ngày càng lâm vào tình cảnh thiếu lương thực. Quyết định sau cùng của người hùng này, là chịu đầu hàng tướng Mac Arthur, để cứu mạng sống cho những sĩ quan trẻ tuổi dưới quyền, hứa hẹn một tương lai rực rỡ cho đất nước. Chuyện đầu hàng của Yamashita đã bị

các sĩ quan trọng tinh thần Võ sĩ đạo phản đối, nhưng Ông vẫn giữ ý định đó.

Về sau, Tomoyuki Yamashita, bị đưa ra tòa án quân sự Mỹ để lãnh bản án tử hình, mà không biết vì lý do gì, người ta cố ý để dành cho Ông.

Suốt một đời phụng sự Tổ quốc tận tụy, tuy sau cùng vẫn bị kẻ thù giết, nhưng không phải Ông thua kẻ thù. Nếu Yamashita không chết về tay Mỹ do trận Phi Luật Tân, thì Yamashita cũng phải chết về tay Anh, về tội chiếm Tân gia Ba, hay sau này Đế nhị thế chiến chấm dứt, Nga cũng giết Ông.

Cái chết của Yamashita, vì những lý do trình bày trên, đúng ra do người bạn thân của Ông là tướng Đông Điều, giết. Đáng buồn cho Yamashita, ở chỗ đó. Một khi bị bạn hại, chỉ còn có nước chịu chết mà thôi.

Tướng Mac Arthur không chết như thế. Không bị kẻ thù giết gục trên chiến trường, nhưng phải chịu chấm dứt một đời tướng lãnh lừng danh của mình. Ông không may mắn như tướng Eisenhower, sau khi rời binh

nghiệp còn giữ chức Tổng Thống trong liên tiếp hai nhiệm kỳ, mới rời hẳn chính trường về an hưởng tuổi già. Giữa lúc tên tuổi đang lên, từ sau trận Phi Luật Tân hồi Đệ Nhị thế chiến đến chiến trường Triều Tiên năm 1950, Mac Arthur phải đành rời bỏ quân ngũ vì bị cách chức. Việc Tổng thống Truman cách chức ông đã khiến cho dư luận Mỹ vô cùng xúc động. Chiến cuộc Triều Tiên diễn tiến từ cảnh thất lợi nào nê cho phía Mỹ buổi đầu, bỗng như có một phép thần huyền diệu, khi Mac Arthur xuất hiện. Chiến cuộc thay đổi hẳn bộ mặt của nó. Đang bị lối, Quân đội Mỹ và Liên Hiệp Quốc, dưới quyền thống lãnh của Mac Arthur, lại thủ vai chủ động chiến trường, sau khi Mac Arthur quyết định đòi Ngũ Giác Đài chấp thuận kế hoạch đổ bộ lên INCHON. Giải phóng xong miền Nam Cao Ly, Tướng Mac Arthur cho quân vượt qua luôn vĩ tuyến 38, đánh chiếm thủ đô Bình Nhưỡng của Bắc Cao, đuổi quân Cộng-Sản chạy mù trời về bên kia sông Áp-Lục,

Đuổi nà quân Bắc Cao, Mac Arthur đã làm một việc mà các

nhà quân sự Tây Phương rất e ngại xưa nay, vì họ sợ Trung Cộng nhảy vào tham chiến. Nếu già thuyết này đúng, chiến tranh thứ ba rất có nhiều hy vọng bột phát. Do đó nhiều lần người ta trù trù, trù trù ngày trong cả việc dân Hung Gia Lợi muốn lật đổ ách thống trị của Cộng Sản Nga.

Quân Trung Cộng nhảy vào vòng chiến thật!

Nhưng khối người khổng lồ này gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của Quân Liên Hiệp Quốc và nhứt là sự cứng rắn của tướng Mac Arthur. Vị tướng này nhất định đòi oanh tạc các cơ sở kỹ nghệ của Trung Cộng bên kia sông Áp Lục, bằng bất cứ giá nào. Nhưng gặp phải mức ngăn cản của một số Nghị sĩ chủ bại. Có lẽ nắm được yếu tố dẫn cơ này của Mỹ mà Trung Cộng âm thầm cho gần nửa triệu quân vượt sông Áp Lục. Tướng Mac Arthur báo động với dư luận Mỹ và ra lệnh tướng Stratemeyer cho gần cả trăm phóng pháo cơ B.29 oanh tạc các nẽo giao thông bên kia sông Áp Lục.

Ở Mỹ, người ta ra lệnh cho

Ông, vì xem Ông như một kẻ hào thẳng: « Trong mọi trường hợp và bất kể những chuyện gì có thể xảy ra, Thống Tướng phải xin phép Hoa thịnh Đồn trước khi có hành động gì nhắm vào các mục tiêu trên lãnh thổ Trung Hoa. Trong khi đó, tướng Mac Arthur chủ trương, theo như binh thư Tôn - Tử « Tướng lãnh ngoài trận, có quyền không nghe người ở nhà: » Ông chủ trương phải hạ Trung Cộng bằng mọi giá, để cho lực lượng này phải sụp đổ tránh nguy tai cho Thế giới. Quyết định của Ông làm cho phe chủ bại ở Hoa thịnh Đồn lo ngại, và Tổng Thống Truman đã phải áp dụng biện pháp cách chức Mac Arthur, cử Tướng Ridway đến thay thế. Giữa lúc tình hình chiến sự có vẻ thắng thế về phía Liên Hiệp Quốc, thì Mac Arthur bị cất chức, Ridway có nhiệm vụ triệt thoái về miền Nam vĩ tuyến 38 để giới ngoại giao thương thuyết chấm dứt chiến tranh với Trung Cộng.

Sau đó Ông trở về quê nhà, sống cho đến 84 tuổi thì mất. Ông không phải ra Tòa Án như cảnh Yamashita. Tuy nhiên ở hai trường hợp của hai danh tướng Tomoyuki Yamashita và Mac Arthur, ta thấy có điểm

tựa tựa nhau: một đảng chết đi vì lòng đố kỵ, ghen ghét, tiểu nhân của bạn, một đảng chết đi trong cái uất ức vì bạn, đương tranh đấu của mình có tình thần chủ bại nhứt nhất. Hai cái chết trên đã xác nhận, hơn một lần nữa, câu nói của R.Kipling có ít nhiều luật thừa trừ.

Những lỗi lầm trọng đại, bao giờ cũng đưa đến những hậu quả trọng đại. Nếu Đông Triều đình hại bạn, đừng đưa Yamashita đi Mãn Châu mà đưa đến ngay Phi luật Tân trong những ngày đầu chiến cuộc, thì tình thế biết đâu, chẳng có ít nhiều đổi khác, khi mà Nhật Bản vẫn chủ động chiến trường? Nếu Truman, đừng cách chức Mac Arthur cứ để cho ông tiếp tục oanh tạc và đánh ngay vào lòng đất Trung Cộng, thì biết đâu Việt-Nam đã tránh được hiểm họa chiến tranh đang dang dãi.

Những danh tướng thường phải chịu những cảnh hãm hiu. Có lẽ đó là luật trời chăng? — Nếu Tần-Cối đừng hại Nhạc-Phi, nếu Phan-nhơn-Mỹ đừng hại Dương-Nghiệp, thì cơ đồ Nhà Tống và Bắc-Tống, biết đâu có nhiều triển vọng hơn? Và trong tương lai, với cảnh này, còn bao nhiêu chữ « nếu » nữa...?



NHÂN CUỘC CHIẾN-TRANH
Á-RAP — DO-THÁI, EM MUỐN
HIỂU THÊM VỀ HỒI - GIÁO
VÀ VỊ GIÁO . TÔ

MAHOMET



M ÌNH oi! ... Minh
à !...
— Gì đó, em ?

— Em vẫn chưa hiểu thiết rõ
ràng vấn đề Do-Thái A-Rap.
Hôm nọ mình bảo : Nguyên do
lịch sử của cuộc chiến tranh
dai dẳng từ bao lâu giữa khối
A Rap và dân tộc Do Thái là sự
cầm thù về tôn giáo, phải không,
mình ?

— Dạ...
Bà Tú đáng yêu trên vai ông
Tú :

— Sao mình « dạ » em ?
Ông Tú cười :

— Auh đâu có « dạ » em. Anh
nói « ya » theo tiếng Đức
đấy chứ... Tiếng Đức,
« Ya » là ừ. Tiếng « Ya » của
Đức, biến thành tiếng « Yes »
của Anh đó. Rồi sao ? Em muốn
hỏi gì ? Á Rap Do Thái phải
không ?

Bà Tú cũng cười :

— Ya !... Em muốn mình giảng
thật rõ ràng về tôn giáo của hai
kẻ thù thâm niên cố để ấy. Tôn
giáo của A Rap là thế nào ? Tôn
giáo của Do Thái là thế nào ?
Đề cho em hiểu tại sao hai tôn
giáo ấy lại cầm thù với nhau
dữ vậy ?

— Muốn hiểu rõ mối thù bất
cộng đái thiên của hai...

— Bất cộng đái thiên là gì
hả mình ?

— Bất là chẳng, C ộng là chung
đái là đội, thiên là trời. Mối
thù chẳng đội trời chung giữa
HỒI GIÁO (Islamisme) và DO
THÁI GIÁO Judainsme phải được
phân tích chia làm 3 phần :

1) Lịch sử của MAHOMET, giáo
tôn của Hồi giáo. Nguồn gốc cầm
thù giữa A-Rap và Do-Thái, phát
khởi từ khi Mahomet thành lập
Đạo Islam (Hồi giáo).

2) Giáo lý và nghi lễ của đạo
Islam như thế nào ?

3) Giáo lý và nghi lễ của đạo
Do Thái như thế nào, và thủy
tổ ABRAHAM là ai ?

Giảng giải rành mạch về 3
vấn đề lịch sử và tôn giáo này
thì em sẽ hiểu rõ về chiến tranh
A-Rap Do-Thái, nhưng phải 6
tiếng đồng hồ, mỗi vấn đề cần
phải trình bày trong 2 tiếng.

— Hôm nay mình nói về phần
thứ nhất, còn hai phần sau
mình sẽ nói sau...

— Ya !... Nhưng anh nhớ đã
có lần kể lịch sử Mahomet cho
em nghe rồi...

— Em nhớ, nhưng mình chỉ
kể về đời sống tổng quát của
Mahomet trên phương diện cá
nhân, chưa nói nhiều về phương

diện tôn giáo liên quan đến cuộc « Thành chiến » với Do-Thái.

— Nếu vậy thì hôm nay chúng ta phải tìm hiểu về cả ba trạng thái lịch sử, xã hội và tôn giáo trong đời sống của Mahomet.

Cần nhắc lại rằng MAHOMET (cũng gọi là MUHAMMAD sinh tại thành phố LA MECQUE vào khoảng năm 570 sau Jésus Christ. Có sách chép là năm 580. Tức là vào thời Tiên Lý (Hậu Lý Nam đế) trong Lịch sử Việt-Nam. Ngài chết năm 632 tại thành phố MÉDINE, hưởng thọ 62 tuổi.

Ngài là con của ABD-ALLAH, một người thường dân thuộc bộ lạc QURAYCH (có sách chép là KOREICH) và AMINA, một người đàn bà tầm thường như những đàn bà khác. Nhưng theo huyền sử, thì lúc mới sinh, có hai vị thiên thần vạch cái ngực của hài đồng ra để rửa nước màu nhiệm cho được trong sạch và ghi vào đó một cái ấn tích Tiên tri. Ngoài ra, Mahomet ra đời không có những sự kiện thần bí thiêng liêng nào khác như các sự tích

giáng thế của Jésus Christ hay của Cakya Mouni.

Suốt thời gian 53 năm trước khi chính thức được đại đa số người A-Rập tôn thờ là vị giáo chủ Hồi-giáo, Mahomet vẫn sống cuộc đời trần tục như tất cả những người A-Rập khác, và lúc bấy giờ giữa hai giống dân A-Rập và Do-Thái cũng chưa có hiềm khích gì với nhau. Trái lại, họ vẫn sống chung rất thân thiện, thuận hòa, giúp đỡ lẫn nhau như những người hàng xóm tốt.

Mahomet mới ra đời thì cha chết. Được 6 tuổi, thì mẹ từ trần. Mồ côi và nhà nghèo, cậu bé Mahomet được ông Nội, ABD-EL MUTTALIB đem về nuôi. Rồi ông nội chết, cậu đến ở nhà người chú, ABU TALIB, nơi đây cậu làm bạn chơi thân với ALI con trai của chú và sau này sẽ là một trong số đệ tử đầu tiên của Đấng giáo-chủ Hồi-Giáo.

Lúc 12 tuổi, Mahomet đi với chú làm nghề đi buôn theo đoàn lữ hành bằng lạc đà. Đó là cái nghề cổ truyền và thông thường nhất của người A-Rập. Mahomet

được đi đây đi đó với đoàn lữ hành, học nghề buôn bán, và có nhiều cơ hội tiếp xúc học hỏi với những người theo đạo Thiên-Chúa của Jésus Christ, và những người Do-Thái hành đạo theo giáo pháp của Abraham.

Đi phiêu lưu trên lưng lạc đà với người chú một thời gian khá lâu, buôn các thứ hàng lụa, hạt tiêu, mía... bán ở các chợ La Mecque, Yathrib. Aden v.v.. Rồi Mahomet ở nhà đi chăn cừu. Lúc 20 tuổi, cậu đến ở mướn cho một bà nhà giàu đã góa hai đời chồng, tên là KHADIDJA, con gái của nhà đại trưởng giả Mhuweilid. Bà chủ sai « thẳng ở » Mahomet đi theo đoàn lữ hành bằng lạc đà qua buôn bán tận xứ Syrie. Cậu đi được hai ba chuyến như thế, được bà chủ tin cậy, cảm mến..

Bà Tú cười và ngắt lời ông Tú :

— Em biết... em biết.. rồi bà chủ lấy luôn đưa ở, phải hôn ?

— Phải. Một đêm cậu ta đi về mệt, nằm ngủ dưới bếp, nhà vắng không có ai, bà chủ xuống bếp bảo cậu lên ngủ trên giường

nệm bông với bà. Sáng hôm sau, bà làm lễ cưới với chàng. Lễ cưới rất long trọng, cả thành phố La Mecque được mời dự tiệc. vui vẻ cả làng! Mahomet là người chồng thứ ba của bà, lúc đó Khadidja phu nhân đã 45 « Xuân xanh », Mahomet 25 niên kỷ.

Khadidja chết năm 619, hưởng thọ được 69 tuổi. Ở với Hahomet được 24 năm và có với chàng 4 người con gái, trong số có nàng FATIMA sẽ nổi danh.

Theo kinh sách của các đệ tử của Ngài còn truyền lại, thì MAHOMET người tầm thường, đôi mắt sáng rực, miệng rộng, ít cười, ít nói. Thỉnh thoảng ngài cười thì để lộ ra cả hai hàm răng đỏ (có sách nói là màu vàng đỏ như cam) thích mặc áo vải loè loẹt và rất ghét hàng lụa mỏng. Ngài phê bình lụa mỏng là «do đàn ông sáng chế ra để cho đàn bà được trần truồng tuy là có mặc quần áo».

Bà Tú cười :

— Trời ơi, sao hồi đó với bây giờ giống nhau kinh khủng vậy ! Câu phê bình của Hahomet có thể

áp dụng được với các thứ quần áo mỏng của phụ nữ Việt-Nam ở thời đại nguyên tử này quá, há mình !

Ông Tú tùm tùm cười, nói tiếp :

— Làm chồng bà Khadidja, Mahomet nghiêng nhiên ở một ngôi nhà giàu sang và được kính nể, được mời tham gia vào công việc trị dân, như một vị thân hào quý tộc của thành phố La Mecque, theo tục lệ A-Rap thời bấy giờ. Và lại, nói đúng ra thì Mahomet cũng là một người rất thông minh, có nhiều kinh nghiệm về đời sống của dân chúng, và nhất là ông có một ý thức rất sâu rộng về tôn giáo. Người A-Rap thời bấy giờ là một dân tộc đa thần, và La Mecque đã nổi tiếng khắp Trung-Đông và Âu-Châu là một Linh-Địa có ngôi đền độc đáo gọi là KAABA thờ hòn ĐÁ ĐEN.

Bà Tú ngạc nhiên :

— Hòn đá mà cũng linh sao mình ?

— Nguyên từ thời xưa thời xưa có một hòn đá khá to lớn tự nhiên từ trên trời rớt xuống nơi đây: Theo khoa học ngày

nay, thì đó là một trong muôn triệu triệu « ngôi sao » vô danh trong vũ trụ không gian, thỉnh thoảng do cuộc di chuyển chạm vào lớp không khí của Địa-cầu vỡ tan ra và rơi xuống mặt Đất. Ở Nga, ở Gia - Nã - Đại ở Pháp, ở Mỹ hiện vẫn còn y nguyên những « tảng đá » từ trên không gian rớt xuống không biết từ thuở xa xăm nào. Một tảng đá loại đó khoa học gọi là *Monolithe* đã rớt xuống thung lũng La Mecque, có lẽ trước thời Hoàng đế Alexandre, hoặc trước thời vua Ramses, chẳng những người thượng cổ A-Rap cho là một bảo vật linh thiêng của Thượng-đế ban cho dân tộc A-Rap, như một « Thông điệp » màu nhiệm báo trước một điềm lành. Dân A-Rap xây một ngôi đền thờ hòn Đá Linh ấy mà hiện nay vẫn còn.

— Hòn đá đó như thế nào há mình ?

— Nó là một chất đá khác hẳn các loại đá trên mặt địa cầu, màu nó đen chiếu ra ánh ngời đỏ, mà người A-Rap từ bốn phương kéo đến - đ-

« hành hương » đến Le Mecque để xem, và kính cẩn đặt những nụ hôn hoặc lấy tay sờ mó để lấy hên, do đó mà ngày nay nó láng bóng, và người Hồi-giáo vẫn còn sùng bái tôn thờ.

Đền Kaaba được bao bọc bởi một bức thành cao và có một cửa độc nhất trở ngay trên thành cách mặt đất độ 2 mét, và có một chiếc thang để leo lên cửa rồi mới vào được trong thành. Hòn Đá Đen ngự trị trước cửa Đền, và trong đền thờ nhiều tượng Thần, trong đó có Tượng Thần HOBAL đặt trên một miệng hầm chứa đầy những vàng ngọc châu báu.

Gần đến Kaaba, có giếng ZEM ZEM, là một cái giáy độc nhất đầy nước ấm, hình như ở đây có một nguồn nước sôi và một nguồn nước mát pha lẫn nhau, hòa thành một thứ nước bốn mùa đều ấm và lúc nào cũng trong veo. Người A-rap tin tưởng rằng nước giếng ZEM ZEM là Nước Thánh, cho nên khách « hành hương » đến La Mecque sau khi rời và hôn-hít Hòn Đá Đen, thường đến giếng zem-zem để uống, hoặc xin một chai nước đem về làm « Lộc

thành ». Na-ná như « suối giải oan » gần chùa Hương trên đường núi cheo leo lên Động Hương-Tích ở Bắc-Việt ta.

Giếng zem-zem có lần bị đất sụp làm nghẽn, nhờ chính ông Nội của Mahomet là Abd-el-Mut-talib sửa chữa và vét lại. Dưới đáy giếng có chôn giấu rất nhiều vàng bạc châu báu và khí giới của vua JURHUM từ thời thượng cổ xa xăm.

Có lần, lúc Mahomet còn nhỏ một vị Hoàng-đề xứ Ethiopie, ở Trung-Phi-Châu, trong Sử gọi là Hắc-Đế (da đen) và là tin đồn cuồng nhiệt của Thiên-Chúa -Giáo, kéo một đạo binh qua A-ra-bi, định đánh chiếm La Mecque và đập phá đền Kaaba, giếng zem-zem, Hòn đá đen. Trong đoàn quân có một con voi trận đi đầu. Nhưng gần đến La Mecque bỗng dừng có bệnh dịch trải ra nổi lên làm chết vô số lính của Hắc-Đế. Kể xam lạng đành rút quân về. Nhưng con voi trận cứ đứng đỉnh thẳng đường tiến vào thành La Mecque và ở luôn trong sân đền Kaaba. Con voi này, trong Lịch-sử A-Rap cũng được coi như một vị Thiên Thần che chở cho thành La Mecque.

Trong khung cảnh lịch sử và xã hội đa thần như thế đó, toàn dân A-ra-bi lại bị hai tôn giáo tranh giành ảnh hưởng: THIÊN-CHỮA-GIÁO và DO-THÁI-GIÁO, (*Christianisme* và *Judaisme*). Cả hai đều lấy nguồn gốc nơi sách CỰU-ƯỚC (*Ancien Testament*) của Thánh-Kinh, nhưng chống chọi nhau về một quan điểm cách biệt hẳn. Do-Thái giáo trung thành theo lễ tiết của ABRAHAM Theo cựu ước Abraham là giòng dõi chính tông của ADAM con của CHÚA-TRỜI (Dieu). Dân tộc Do-Thái là con cháu của Abraham, là dân của Chúa Họ phủ—nhận Jésus Christ, mặc dầu đấng Christ là người Do-Thái, nhưng chính dân Do-Thái không công nhận Ngài là « Đấng Chúa Con », là đại diện của CHÚA TRỜI, Do đó mà Do-Thái phủ nhận đạo Thiên-Chúa của Đấng Jésus Christ, và Ngài bị họ kết án, bị đóng đinh trên cây thập tự.

Dân tộc Á-Rập cũng không tin tưởng nơi Jésus Christ, và tiếp tục theo truyền thống Đa thần. sùng bái các vị thần cổ tích theo tập tục Á-Rập. Trong lúc đó MAHOMET sau khi nghiên cứu về Đạo Đa thần của u-Rập,

và Đạo Thiên Chúa của Do-thái lại đứng ra hô hào dân tộc Á-Rập từ bỏ các vị thần xưa, và chỉ tôn thờ MỘT Đấng CHÚA TRỜI DUY NHẤT (*Allah*) mà thôi,

Nhưng, đồng thời Mahomet cũng phủ nhận Đạo Thiên chúa, không cho rằng Đấng Christ là « Con của Chúa trời » Trái lại, chính ngài. MAHOMET, là Đấng Tiên tri của Chúa trời (*Prophete de Dieu*), chính MAHOMET là Đại diện của chúa trời, và chứng minh rằng thiên thần GABRIEL đã công nhận ngài MAHOMET là tiên tri cứu Chúa, Đại diện của chúa tối cao của chủ duy nhất của ALLAH. Do đó, sau khi phủ nhận đạo Thiên chúa của Jésus Christ (mới ra đời trước đó 600 năm) và đả kích đạo Đa thần truyền thống của Á-Rập thủ cựu, Mahomet sáng lập một đạo mới, một Tôn giáo tiến bộ đặc biệt Á-Rập Tối cao duy nhất, ALLAH mà chính Ngài là vị Tiên tri, do chúa Allah giao phó nhiệm vụ truyền giáo để tôn thờ chúa Allah. Đạo mới ấy tức là Hồi-giáo (ISLAM) hay là : *Religion Mahométhane; Musulmane, islamique*) suốt Lịch sử Hồi-giáo và

hành động của Mahomet, giáo chủ Tôn giáo mới đều có mục đích chứng minh chân lý ấy. Chân lý độc thần, tiếng Á Rập gọi là Hanif đã được xác nhận bằng vô số những truyền sử, sự tích, chứng cứ, v.v. khiến dân tộc Á Rập lúc đầu chưa tin, sau dần dần tin hẳn, tin triệt để, đến độ nhiệt thành cho đến ngày nay,

— Minh vừa nói danh từ IS. LAM. Nghĩa thật của nó là gì ?

— Islam, tiếng Á-Rập, có nghĩa là : *tự nguyện xả thân cho ý Chúa duy nhất*. Mahomet dùng danh từ *Islam* để đặt căn bản Hồi-giáo, chống lại thuyết đa thần truyền thống, chống cả thuyết Thiên-chúa của Jésus-Christ. Và người theo chủ nghĩa *Islam* được gọi là *Muslim* hay là *Musulman*, Chúa trời duy nhất là *Allah*.

— Những tin đồn đầu tiên của Mahomet là ai ?

— Những tin đồn hăng hái và trung kiên từ lúc đầu là :

— KHADIJA bà vợ giàu của Mahomet, tuy lớn hơn ngài 20 tuổi, nhưng vẫn còn trẻ đẹp, chính bà đã chứng kiến những

buổi tiếp xúc của thiên thần Gabriel với chồng bà.

— ALI, con trai của người chú Abu Talib, và là bạn thiếu thời của ngài.

— ABOU BAKR, một nhà buôn đại phú. Ông này, cũng như bà Khadidja, có bao nhiêu vàng bạc của cải đều cúng hết vô công việc truyền bá tôn giáo mới.

Cô con gái đẹp nhất của ông là AICHA, 13 tuổi, tin đồ trung kiên, và trở thành vợ chính thức và đảm đương nhất trong số 14 người vợ của Mahomet sau khi Khadidja từ trần.

Bà Tú ngắt lời ông Tú :

— Sao chủ trương thờ một Chúa trời duy nhất, mà vợ thì hàng tá ? Cầm đa thần sao lại đa thê ?

— Tục đa thê vẫn được truyền thống quốc gia gia đình và xã hội áp dụng và công nhận ở các xứ Á-Rập, và Hồi-giáo. Trong số 14 người vợ của Mahomet trừ AICHA là trẻ tuổi nhất (lúc bấy giờ Mahomet đã 53 tuổi), còn hầu hết là các công chúa của các vị vua theo Hồi-giáo và tôn sùng Ngài là giáo chủ. Aicha được coi như

Hoàng hậu của Á-cung mà những cô vợ kia là Á-phi.

Sau đây, tóm tắt những biến cố quan trọng nhất trong Lịch sử của Mahomet, giáo chủ :

— Giới trưởng giả và quý tộc ở La Mecque thù cừu và đa thần cảm quyền ở Thủ-đô, đã kích Mahomet, ĐÀN ÁP TÍN ĐỒ HỒI GIÁO.

— HAMSA, người chủ triệu phủ của Mahomet, đem hết tài sản cúng cho Đạo, và theo làm đệ tử Ngài.

UMAR, một nhân vật có uy quyền và uy tín ở La Mecque cũng xin làm đệ tử.

Bị khùng bỏ quá, Ngài bỏ La Mecque, xuất ngoại.

Đến thánh địa JÉRUSALEM với các tín đồ, và được Chúa trời Allah hiện về truyền giáo cho Ngài, trước mấy nghìn tín đồ kinh ngạc, trong lúc nửa đêm. Mahomet được lên trời với Chúa, (tiếng A-Rập gọi sự kiện nhiệm mầu này là MI-RAD) rồi trở về đền Jérusalem.

* Ngày 20 tháng 6 năm 622 cùng với mấy nghìn tín đồ, thành phố YATHRIB (cuộc di cư vĩ đại này gọi là HIDJRA).

* Ngày 16 THÁNG 7, 622, Mahomet đến Yathrib. Dân chúng nhiệt liệt hoan hô. Viên tổng trấn thành phố, ABU AY-YUB, đón tiếp Ngài rất long trọng

Ngày này, Mahomet tuyên bố bắt đầu KỶ NGUYÊN HỒI GIÁO (HÉGIRE). Mahomet được chính thức công nhận là giáo chủ Islam, thủ lãnh chánh trị và tôn giáo của dân tộc A-Rập. Thành phố Yathrib được đổi tên là Madinat-al-Nabi, sau thành ra tên chính thức là MÉDINE.

Trong Lịch sử Hồi-giáo, ngày 16-7-622 được gọi là ngày KHAI ĐẠO, ngày 1, năm 1, kỷ nguyên Hồi-giáo (L'An I de l'Ere Hégire).

Ngài chia giới tín đồ đồng đạo thành 2 hạng :

Nahadfirum : tín đồ đồng di cư với Ngài.

Ansar : tín đồ ở Médine.

Đề thỏa hiệp với Do-Thái Mahomet tuyên bố :

— Xác nhận lòng tin ngưỡng thuần túy nơi ABRAHAM thuộc dòng dõi chính tông của ALLAH, CHÚA TRỜI DUY NHẤT và chúa đã xuất hiện ở JERUSALEM.

— Xác nhận rằng Abraham đã xây dựng đền KAABA thờ hòn Đá Đen ở La Mecque.

— Tiếp tục tổ chức thờ phụng Chúa duy nhất với một lễ tiết giản dị, thành tín và trung kiên cno toàn thể các Dân tộc Trung-Đông.

Nhưng Do-Thái phản đối. Do-Thái công kích Mahomet không theo đúng CỤU ƯỚC, và MAHOMET GÂY NỘI LOAN TRONG ĐẤT CHÚA. Mahomet cãi lại rằng Do-Thái xuyên tạc những điều tiên tri của Chúa.

Năm 623, tức là năm thứ Hai kỷ nguyên Hégire, Mahomet tổ chức đánh cướp tại Badr một đoàn lữ hành buôn bán của Do-Thái nguyên quán ở La Mecque. Trận đánh kịch liệt. Quân lính Hồi-giáo A-Rập bị Do-Thái chặn đánh tại núi Uhud. (có sách gọi là Ohod.)

Năm 627 Do-Thái bao vây thành phố Médine của A-Rập Hồi-giáo. Mahomet phá vòng vây, cứu được Médine, và trục xuất toàn thể dân Do-Thái nơi đây. Thế là Thánh chiến bùng nổ giữa Do-Thái và A-Rập dưới quyền lãnh tụ của Mahomet.

Do-Thái bị cắt cổ và bị đày

đi hàng ngàn người. Theo các tài liệu lịch sử, trong một trận đánh dữ dội giữa dân Do-Thái và dân A-Rập Hồi-giáo, bên A-Rập bị thua, bỏ chạy, Mahomet liền xé một mảnh áo so-mi của Aicha (cô vợ 12 tuổi của Ngài) trưng lên làm cờ để tụ hợp lại những người A-Rập tán loạn. Nhờ đó, Mahomet phá công và thắng lại Do-Thái.

Sau cuộc chiến thắng này, hai cô gái Do-Thái trẻ đẹp bị bắt về hầu hạ Mahomet : SAFYA và ZEINAB. Safya nổi tiếng là giai nhân tuyệt sắc, cam chịu số phận làm Á-phi. Nhưng ZEINAB thừa lúc bị bắt làm thịt dè dè ăn mừng tiệc cưới nhân dịp khải hoàn của Mahomet, lén bỏ thuốc độc vào các đĩa thịt. Mahomet ăn một miếng, cảm có mùi lạ, liền nhổ ra, nhưng một Đệ tử của Ngài ăn nhiều nên bị té chết ngay trong bữa tiệc. Zeinab liền bị đánh đập, tra tấn, và chịu cực hình.

Mahomet thoát chết, nhưng theo chính lời Ngài nói, Ngài vẫn bị đau âm ỉ sau bữa tiệc đó. Cho nên mấy năm sau, Ngài chết, các tín đồ Hồi-Giáo nhất quyết đổ tội cho Do-Thái đã ám hại Đấng Giáo-chủ Islam.

Năm 628 (Năm thứ 6, kỷ nguyên Hégire), Mahomet ký hiệp ước đình chiến với Do-Thái và A-Rập ngoại đạo. Ngài được đi với 2000 tín đồ hành hương về Đền Kaaba và La Mecque.

— Năm 629, Mahomet kêu gọi Vua Chúa các quốc gia A-Rập đa thần, hãy theo Hồi-giáo, phụng sự chúa Allah duy nhất.

— Năm 630, Ngài kéo binh mã về đánh chiếm La Mecque, tuyên bố La Mecque là Thánh-Địa-Hồi-Giáo. Ngài bảo : « Chân lý đã đến », xong Ngài sai tín đồ cầm búa đập nát hết các Tượng Thần của A-Rập cổ truyền, « linh hiêng » từ nghìn xưa.

— Năm 631, Mahomet lại chiến thắng các bộ lạc A-Rập đa thần, và chiến thắng cả các nhóm Do Thái ở A Ra-Bi, trong các trận Hunayn, và khắp các sa mạc A Rập.

— Năm 632, uy tín và thế lực của Mahomet lan rộng khắp nơi. Ngài gửi thư ngoại giao cho các Vua Chúa các quốc gia A-Rập, báo tin Hồi-Giáo thiết lập Thánh-Địa ở La Mecque và kêu gọi toàn thể các dân tộc A-Rập theo

Ngài, để phụng thờ Chúa Trời Allah duy nhất.

Hoàng đế Ba-Tur, Quốc vương Ai-Cập, Quốc vương Syrie, đều gửi trả thư, với lời bí chú : « *Thư không có con dấu, không chấp nhận* ». Mahomet liền cho đúc một con dấu to tương bằng bạc, khắc một giòng duy nhất bằng chữ cổ A-Rập :

« *Mahomet, Đại diện Chúa* »

Lần này, thư ngoại giao của vị Giáo chủ Hồi-Giáo có dấu đóng đàng hoàng, oai vệ. Nhưng Hoàng đế Ba-Tur xé thư, không trả lời. Được tin, Mahomet kêu lên trời : « *Lạy Chúa, Chúa hãy xé nát đế quốc Ba-Tur như con bị xé !* »

Vua Ai-Cập gửi dâng cho Đức Giáo chủ một cô gái tuyệt đẹp, tên là MYRIAM. Myriam ở với Mahomet, sanh được một cậu con trai to lớn, được đặt tên là Ibrahim và được nuôi bằng thịt dê trắng. Mỗi ngày một mình cậu ăn hết một con dê, nhưng cậu chết yểu, chưa đầy 3 tuổi.

Thế lực của Mahomet mỗi ngày mỗi bành trướng khắp cả vùng Trung-Đông và Cận-Đông. Dân chúng và các nhà quyền

quý theo đạo Islam của Ngài mỗi ngày mỗi đông. Tuy đồng thời, có nhiều vị « *Giáo chủ* » khác, thấy tình thế thuận lợi, bắt chước lập Đạo, nhưng họ chỉ làm cho uy tín của Đấng Tiên-Phong Giáo chủ mỗi ngày mỗi tăng cao và số tín đồ Hồi-Giáo mỗi ngày mỗi tăng nhiều khắp các quốc gia A-Rập.

Năm 632, Ngài thọ được 62 tuổi, đi hành hương lần cuối cùng đến La Mecque, đặt ra nghi lễ *Hadjdj*, rồi trở về Médine, đau một trận và chết trong tay nàng Aicha yêu quý mới 22 tuổi. Aicha ở vậy, thờ phụng Ngài. Toàn thể tín đồ Hồi-Giáo tôn ABU BEKR, thân phụ của Aicha, và cũng là Đệ tử thâm niên nhất của Mahomet, lên thay thế làm Giáo-Chủ. Sau đến OMAR và kế tiếp đến nay. Sau khi Ngài chết, năm 635, tức là Năm thứ 13 kỷ-nguyên Hégire, các tín đồ Hồi-giáo đánh chiếm lần lượt Damas, Ba Tư, Syrie, Ai Cập.

Thiên-Chúa-giáo không còn ảnh hưởng mấy. Một phái rút qua Thổ-nhĩ-Kỳ (Thiên chúa chính tông, Christianisme orthodoxe), một phái rút qua Nga

(Thiên chúa giáo chính tông Nga), một phái rút qua Vatican (Thiên chúa giáo La Mã) thành 3 phái cách biệt. Do Thái bị A Rập đàn áp mạnh và lấn lướt mãi chỉ còn một vùng Palestine. Do Thái, một mặt bị Thiên Chúa giáo, một mặt bị Hồi giáo, phải tự liệu đoàn kết với một sức mạnh phi thường, mới tranh giành được quyền sống trên một rẻo đất cồn - con bị A-Rập Hồi giáo bao vây tứ phía.

Bà Tú tắc lưỡi tỏ vẻ buồn :

— Giáo chủ Hồi giáo Mahomet chết năm 632, đến nay 1967, là đã 1335 năm, trên 13 Thế kỷ mà vẫn còn để lại mối căm thù bất cộng đái thiên giữa A-Rập và Do Thái, chỉ vì nguyên nhân tôn giáo..!

— Chiến tranh hiện đại giữa hai lực lượng ấy lại còn rắc rối thêm vì các yếu tố kinh tế chính trị nữa.

— Thành ra không biết bao giờ mới có hòa bình thật sự trên trái đất này, Minh nhỉ. Không ríng gì ở Trung đông !

— Ya !

Bà Tú cười, ngã đầu vào vai ông Tú :

MÌNH ƠI !

— Nếu ai nấy cũng yêu nhau như hai đứa mình, thì Thần Chiến tranh làm sao xen vào phá đám được!

Phải hôn Minh ?

— Ya !

— Nếu ai cũng dễ thương như Minh và ngoan như em,

thì Hòa Bình Hạnh phúc cho nhân loại biết mấy, hả Minh ?

— Ya !

Hai người chấm dứt câu chuyện chiến tranh bằng một trận hôn này nữa...

Kỳ sau : GIÁO-LÝ HỒI-GIÁO
VÀ KINH KORAN



● Trước vành móng ngựa

QUAN-TOÀ . Sao cậu còn chối mãi trong khi có 20 người làm chứng rằng chính họ đã thấy cậu dượt cái bóp của bà này ?

BỊ CÁO : Dạ thưa quan Toà, tôi có thể dặt đến đây 200 người làm chứng rằng họ không có thấy tôi dượt cái bóp của bà.

● Tình yêu ngang trái

Nhà văn đại tài hước Bernaw Shaw của Anh-quốc, một hôm tiếp vài người bạn thân đến thăm. Ông cho biết ông đang viết một vở kịch. Một thiếu phụ trẻ đẹp hỏi :

— Chuyện ái tình ?

— Vâng chàng và nàng yêu nhau. Nhưng hoàn cảnh ngang trái không cho phép họ lấy nhau.

— Rồi kết cuộc ?

— Kết cuộc rất là bi đát.

— Họ tự tử ?

— Không. Họ cứ lấy nhau.



THAO-THỨC

Tiếng pháo nửa đêm buồn thức giấc
Nghe hồn lữ lạc giữa nguyên tiêu
Gió ru khẽ kết lên chồi vắng,
Nghe lạnh chừng như lạnh rất nhiều

em tưởng đồng hoang sắp trở mưa
mẹ thương anh biết mấy cho vừa
đầy trời sao rụng, anh khôn lớn
súng gọi lên đường, khóc tiền đưa

còn lại mình em giữa tuổi thơ
tháng năm vùn vụt đuôi mong chờ
một chiều hung tin, nghe anh chết
mẹ dựa nương trầu đắng ngàn ngo

từng giọt chuông buồn nghẹn khổ đau
mười phương âm ỉ gió đeo sầu
chấp tay mẹ khẩn danh Bồ Tát
cầu nguyện thanh-bình vạn kiếp sau

*có nghĩa gì đâu một kiếp người
cho dù mới chớm tuổi đôi mươi
anh đi là cả trời xuân ủa
từ đây riêng em tắt nụ cười*

*sáu nẻo luân hồi anh ở đâu
mẹ lần chuỗi hạt giữa đêm thâu
tin xuân bất chợt như vừa đến
tưởng bóng anh về đóm hỏa châu*

*thôi nhé anh ơi trả kiếp này
nghiệp duyên còn biết nói gì đây
sân si thế tục còn vương-vấn
thì trách chi đời chuyện trả vay*

*mẹ vừa trở dậy đốt trầm hương
nghi ngút xua tan hận chiến trường
mẹ khẩn cho em vừa tuổi lớn
khi người nhóm dây lửa tình thương*

*đất nước sum vầy thôi nát tan
long lanh hồ ngọc đón trăng vàng
mẹ lần viếng mộ thương đau trẻ
gánh nợ sơn hà lạnh nghĩa trang*

*rồi tiếng chuông chùa lặng lẽ ngân
mong đời thức tỉnh nẻo trầm luân
sương khuya thấm lạnh theo đầu gió
nương bóng Từ quang thoát bề trần*

DIỆU NGA
(T.H.Y)



thu hiền

● Phan-Thị Thu-Mai
★ Truyện dài

(Tiếp theo P.T. 196)

Hiền cúi mặt, tránh tia nhìn của Hùng. Lâu lắm, Hiền mới ngược nhìn Hùng. Hùng nghe lòng mình xao xuyến vì tia nhìn e ấp của cô gái. Lần thứ nhất trong đời Hùng bị rung động và xao xuyến trước một cô gái từ trước Hùng không chú ý tới bao giờ. Không phải Hùng là thánh nhưng vì lo đói, lo không tiền mua sách, lo thất nghiệp thì còn thì giờ đâu nghĩ vớ vẩn? Hùng ngồi nói vớ vẩn dăm ba câu với bà Tư Bếp rồi cáo từ ra về. Hiền theo Hùng ra đóng cổng. Trước khi quay bước Hùng gật đầu chào Hiền:

— Tôi về có Hiền nhé!
— Dạ!

Tiếng « dạ » thật ngoan của Hiền làm Hùng nghe sung sướng anh vừa đi vừa hát Hùng thấy thành phố Saigon đêm nay đẹp quá ai ai cũng đáng yêu, đáng mến, chứ không đáng ghét như thường ngày. Về đến nhà trọ. Hùng để nguyên đồ leo lên giường đánh một giấc trong giấc mơ Hùng thấy Hiền. Thấy cuốn sách « Những kẻ khốn cùng »



Đứng trước sân nhà Hiền, Tuyên thoảng ngạc nhiên vì sự trống vắng. Anh vén tay nhìn đồng hồ: 6 giờ 30. Giờ này Hiền đã đi làm về sao không thấy ai trong nhà cả? Không cần gõ cửa

Tuyên tự tiện bước vào nhà anh lớn tiếng gọi :

— Hải ơi ! Hải à ?

Tiếng khàn khàn yếu ớt của một bà già làm Tuyên giật mình :

— Ai đó ?

— Dạ, con, dì Tư.

Dì Tư reo lên :

— Trời ơi ! Sao lâu quá cháu không lại thăm dì ? Dì nhớ con mà không biết làm sao.

Tuyên cảm động trước câu nói của dì Tư.

Trước Tuyên trọ ở nhà chú Chệt sát cạnh nhà này. Dì Tư đối đãi với Tuyên như con. Dì bắt Hiền và Hải gọi Tuyên bằng « anh hai » Tuyên đã thành như anh cả trong nhà này. Thiếu tình mẫu tử nên khi được Dì Tư thương như con, Tuyên cảm động và kính trọng Dì như mẹ. Tuyên cũng thương Hiền và Hải như em mình. Ngược lại, Hiền và Hải cũng thế. Hồi Tuyên trọ ở đây. Minh hay lại đây chơi với Tuyên. Lần hồi Minh và Hiền yêu nhau. Dì Tư và Tuyên chấp nhận tình yêu đó. Nhưng hẹn đến khi Minh ra trường mới cho làm lễ cưới. Năm tháng trước, chú chệt có người cháu họ ở

Cà-Mau lên ở đi làm, chú không cho Tuyên ở căn gác nữa để cho người cháu ở. Dì Tư bảo Tuyên dọn về ở với dì, nhưng Tuyên thấy bất tiện. Căn nhà Dì quá chật hẹp. Thêm Tuyên nữa thì làm sao ? Vả lại Tuyên đi làm về khuya, sợ phiền lòng. Nghĩ thế nên Tuyên không nhận lời Dì. Tuy trọ cách xa, nhưng lúc nào rồi là Tuyên chạy ngay đến thăm Dì. Một tháng nay, bận liên miên nên Tuyên không đến thăm Dì được.

Tuyên nhìn dì Tư, với vẻ lo lắng :

— Sao Dì ốm quá, hả dì ?

Dì Tư khẽ lắc đầu :

— Cả tháng nay đi đau, con à ! Bữa nay khá rồi đó. Máy bữa đi ốm thấy sợ kia !

Tuyên cúi mặt. Anh thấy mình thật vô tâm. Dì Tư thương mình như vậy mà đi đau cả tháng không lại thăm lần nào.

— Dì Tư tha lỗi cho con.

Giọng Tuyên run run.

Dì Tư mắng thân mặt :

— Cái thằng khỉ này mới lạ— Cái gì mà lỗi với phải ? Mày ăn cơm chưa ?

— Dạ chưa ! Cho con ăn với nghe dì !

Cả tháng không ăn cơm với cả kho tiêu, con thèm quá Dì ơi !

Dì Tư đứng dậy.

— Khỏi, Dì. Cháu xuống bới ăn được rồi. à ! Hiền và Hải đâu đi ? Giờ này Hiền đi làm về rồi mà ?

Dì tư ngồi xuống giường, ánh mắt đi thoảng buồn. Dì khẽ lắc đầu .

— Con Hiền nó có về đâu ?

Tuyên không dấu nổi ngạc nhiên :

— Chứ Hiền đi đâu, dì ?

— Nó đi làm bồi cho người ta, gần tháng nay rồi cháu ạ ! Thăng Hải thì đi bán bánh mì, có đưa nào ở nhà đâu.

Với Tuyên không có chuyện gì là bất ngờ cả. Nhưng câu nói của dì tư không khỏi làm Tuyên trợn tròn đôi mắt .

— Chứ sao Hiền không làm ở hãng buôn đó nữa ?

— Thăng chủ có cử chỉ bất nhã làm sao đó, nó cự tuyệt. Thăng chả cho nó nghĩ luôn. Nó có gửi đơn xin nhiều chỗ khác nhưng họ hẹn hoài. Lúc đó đi

đau mà không còn tiền. nó buộc lòng phải đi làm rong khi chờ đợi người ta kêu, tội nghiệp nó quá, đi đau bệnh hoài để tụi nó khổ sở, đi không vui chút nào !

Dì tư rung rung nước mắt, nước mắt người mẹ hiền thương con, không muốn con khổ sở vì mình, nhưng mình bất lực chả biết làm sao ? Tuyên lầm bầm :

— Hai ông bà thật xứng. Cứ mắng lại mấy ông chủ cho họ đuổi !

— Cháu muốn nói ai ?

— Thăng Minh đó, dì ! Nó cũng chưởi lại ông chủ của nó, nên nó bị thăng chả đuổi. Bây giờ nó phải đi bán bánh mì.

Dì tư gật đầu :

— Tụi nó coi bộ hiền lành vậy đó, nhưng khi ai ở không phải với nó, nó dữ còn hơn cạp.

Dì chép miệng nói thêm :

— Vậy mà thằng Minh có lại đây mà nó có nói cho đi nghe đâu cái thằng thiệt là tệ.

Tuyên bình bạn :

— Có lẽ tại nó sợ đi biết rồi đi buồn nên nó không dám chứ gì.

Di tư gặt đầu :

— Có lẽ ! Tôi nghiệp nó quá ! Không muốn làm di tư buồn thêm. Tuyên không nói gì nữa. Anh chạy xuống bếp xới cơm ăn. Thấy cử chỉ của Tuyên đi tư ứa lệ vì sung sướng. Ăn xong Tuyên hỏi đi địa chỉ nhà Hiền làm rồi từ giả ra về. Nhưng anh không về thẳng nhà, mà bảo tắc xi cho mình đến địa chỉ nhà Hiền. Đứng trước công nhà Tuyên thoáng ngạc nhiên. Đúng là nhà của bà Tấn, nơi Hùng dạy kèm. Sau một lúc do dự, Tuyên đứng sát công gọi se se :

— Hiền ơi ! Hiền à !

Nghe tiếng gọi giọng quen thuộc, Hiền tất tả chạy ra, thấy Tuyên nằng reo lên như đứa trẻ :

— Trời ơi ! Anh Tuyên ! Anh đi đâu đây ? Sao anh biết Hiền ở đây mà lại ?

— Di Tư chỉ. Sao Hiền lại nghĩ việc, đề đi làm con Sen thế này ? Hiền tiến sát công rào, nằng nhìn Tuyên :

— Không thể mời anh vào được.

Tuyên khoát tay :

— Không cần. Anh đến đề nói cho Hiền nghe một chuyện. Hiền cau mày :

— Chuyện gì thế hả anh ?

— Minh nó định nghĩ học luôn.

— Nghĩ học luôn ?

Tuyên nhìn Hiền thương hại. Anh gặt đầu nhẹ nhẹ. Tuyên nói đề Hiền yên lòng :

— Nó định thế thôi chứ chưa cương quyết. Hiền nên cản ngăn nó. Anh nói hết lời nhưng nó không nghe, bây giờ chỉ chờ có Hiền !

Hiền cắn chặt môi nhìn xuống đất :

— Cản ngăn thế nào bây giờ ? Một khi Minh đã quyết thì khó ai mà cản ngăn Minh được. Dẫu người ấy là gì của Minh đi nữa. Tuyên là người Minh trọng nhất mà không cản Minh được thì Hiền làm gì cản Minh được ? Minh nhản mặt một cái cũng đủ làm cho Hiền run sợ, thì làm sao Hiền dám khuyên răn Minh ?

Hiền khẽ lắc đầu :

— Không được đâu anh à ! Minh muốn là Minh làm. không ai ngăn Minh được đâu ! Và lại

anh ấy không thích học nữa thì thôi. Minh cố ép thì chỉ làm cho anh chán thêm chứ không có ích lợi gì ! Anh ấy có nói với anh khi nghĩ học rồi anh ấy làm gì không ?

— Nó đi dạy và vẽ !

Hiền gặt gù :

— Anh ấy say mê hội họa lắm. Em nghĩ hay là mình cứ để yên cho anh ấy theo đuổi lý tưởng của anh ấy thì hơn !

Tuyên gặt đầu công nhận lời Hiền là đúng, ở đời việc gì mình say mê thì mới háng hái làm chuyện gì mình không ưa mà bắt mình làm thì không gì chán nản bằng.

Tuyên thấy vấn đề Minh kể như đã xong. Anh lại chợt nhớ hoàn cảnh của Hiền. Tuyên thấy mình bất lực quá. Dẫu mình không phải là anh ruột của Hiền, nhưng đã trót coi Hiền như em, Tuyên tuy mình phải có bổn phận với Hiền ! Trong khi Hiền gian khổ thế này mà mình không giúp được gì quả mình chẳng xứng đáng với lòng kính mến của Hiền đối với mình ? Phải làm thế nào bây giờ ? Một ý niệm đến với Tuyên thật nhanh, anh nghiêm mặt nhìn Hiền :

— Hiền !

Hiền dạ thật ngoan :

— Dạ.

Ngày mai em phải nghỉ việc ở đây ngay !

Hiền nhìn Tuyên ngờ ngác như thăm hỏi :

— Tại sao ?

— Anh sẽ tìm cho Hiền việc làm hoặc không có thì anh sẽ giúp đỡ Hiền không nên làm như thế nào ! Sức Hiền yếu đuối làm việc này sao nổi ?

Hiền cười nụ :

— Cảm ơn anh. Nhưng anh còn bữa đói bữa no thì làm sao bao bọc tụi này được ?

Câu nói thành thật của Hiền làm Tuyên lúng túng nhưng anh không bối rối hẳn :

— Anh bảo ! Hiền có nghe lời không ?

Hiền cúi đầu :

— Dạ !

Tuyên quay bước :

— Anh đi làm !

Hiền nhìn theo bóng Tuyên khuất dần ở cuối phố, lòng buồn rượi rượi.

Minh sẽ nghĩ học. Lý do nào làm Minh chán nản ? Mới đây một tháng Minh còn nói Hiền :

« Anh quyết học cho thành tài để trả thù bọn trưởng giả cho chúng hết khinh khi mình là bọn hạ cấp ».

(còn nữa)



● của các Giáo-viên đã tốt nghiệp sư phạm cấp tốc 1 năm đang phục vụ trong Quân ngũ.

KÍNH GỬI :

THIẾU TƯỚNG CHỦ-TỊCH

ỦY-BAN HÀNH-PHÁP TRUNG-ƯƠNG

TRÍCH-YẾU : v/v, Xin thăng chỉ số lương ở bậc Sư phạm Cấp tốc 1 năm.

KÍNH-THƯA THIẾU TƯỚNG :

Chúng tôi là những Giáo Viên đã tốt nghiệp Sư Phạm cấp tốc 1 năm và hiện đang phục vụ trong Quân ngũ.

Chúng tôi nhận thấy Thiếu tướng Chủ tịch đã nâng đỡ Công chức và Quân-nhân rất nhiều. Bằng chứng là những Biện pháp tăng lương, thăng trật, lãnh lương đưa con thứ 6 như các đứa con trước và mới đây Thiếu tướng Chủ tịch đã cho thêm Phụ cấp gạo.

Về ngành y tế, Thiếu tướng chủ tịch đã cho tăng chỉ số lương căn cứ từ 320 lên 350.

Về ngành Giáo dục các giáo học bổ túc cũng được tăng chỉ số từ 320 đến 350 ; Các giáo viên sơ cấp được nhập ngạch v.v...

Riêng đối với các giáo viên đã tốt nghiệp Sư phạm Cấp tốc 1 năm thì chỉ số lương không tăng, nghĩa là vẫn 250. Hơn nữa những giáo viên này đã phục vụ lâu năm trong ngành giáo dục.

Chúng tôi nhận thấy vì quá bận Công vụ nên Thiếu tướng Chủ tịch chưa cứu xét đến việc nâng đỡ anh em chúng tôi.

Nay chúng tôi mạo muội làm đơn này trân trọng kính cầu xin Thiếu-tướng Chủ-tịch nâng đỡ cho anh em chúng tôi được tăng chỉ số từ 250 lên 300 hầu theo kịp mức sinh hoạt hiện tại.

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của Thiếu-tướng Chủ-tịch Chúng tôi kính dâng lên Thiếu tướng lòng tri ân sâu xa của chúng tôi.

Nay Kính

Một nhóm giáo viên Tiền Học
Đồng Kỳ tên

● Của Hội-Đồng tinh thần đạo Baha'i

Hội đồng tinh thần Đạo Baha'i Quốc-gia Việt-Nam trân trọng thông báo cùng toàn thể đồng bào và tín hữu về việc thành lập Văn phòng Tùy viên phụ tá Đức Giám hộ đạo Baha'i tại Việt Nam. Ông NGUYỄN VĂN LỢI nguyên Ủy viên Hội đồng Tinh thần đạo Baha'i Quốc gia Việt Nam, đã được mấy ngài Phụ tá Đức Giám hộ Á châu cử vào nhiệm vụ Tùy viên với sự chứng kiến của Đại diện Tòa Công lý Quốc tế từ Haifa đến vào ngày 14-6-1967 văn - phòng Tùy viên Phụ tá Đức Giám hộ sẽ đặt cùng nơi với Văn phòng Hội đồng Tinh thần Quốc gia Tại Giảng đường Trung ương đạo Baha'i Việt Nam 193HC Công lý Saigon.

Nhân đây chúng tôi xin nhắc lại đề Chính quyền và các Cơ quan Lãnh đạo các Tôn giáo bạn được rõ là các cơ quan Quản trị Tâm linh Tối cao và Đại diện duy nhất của Đạo Baha'i Tôn giáo Hoàn cầu tại Việt Nam được Đại biểu Toàn quốc họp Đại hội tại Giảng đường Trung ương bầu ra trong dịp Thánh lễ Ridvan và được Tòa Công lý, Quốc tế Cơ quan lãnh đạo Tối cao của Đạo Baha'i Thế giới công nhận. Các cá nhân hay tập thể không được Tòa Công lý Quốc tế đạo Baha'i công nhận đê hoàn toàn không có tư cách gì để đại diện cho đạo Baha'i.

Văn phòng Tùy viên chuyên trách về tâm linh truyền giáo và bảo vệ Tôn giáo nhưng không lo về quản trị là việc thuộc quyền hạn của Hội đồng Tinh thần Quốc gia. Trên 100 năm qua nhờ giáo lý trong sáng, nhờ nền quản trị toàn hảo này và nhờ đứng ngoài mọi xu hướng chính trị đạo Baha'i Tôn giáo Hoàn cầu đã duy trì được sự Thống nhất này sẽ lan rộng nhanh chóng để dân tộc ta và n hân loại sớm được hưởng thanh-bình

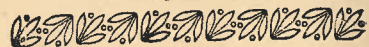
T.M. Hội Đồng Tinh Thần Đạo Baha'i Quốc Gia Việt-Nam
T'ong thư-ký

LÊ LỘC



Đáp Bạn Bốn Phương

★ DIỆU-HUYỀN



★ *Bạn Nguyễn Tuyên, đường 46, Chợ Lớn.*
24-5-Kỹ-mùi = 21-6-1919.

★ *Bạn Nguyễn Phương, Qui Nhơn.*

Nguyễn Bình là nhà thơ tiền chiến. Không có tên trong quyền « Nhà văn hiện đại của Vũ Ngọc Phan, vì chắc tác giả chỉ nói đến các nhà văn (viết văn xuôi) chứ không nói đến các nhà thơ.

— Nguyễn Bình sống đời thơ với T.T.K.H.

★ *Bạn Lê Đức Lợi, Triệu Phong, Quảng-Trị.*

Vâng, bạn nên tìm bác sĩ giỏi hơn.

Không nên để bệnh lâu ngày khó chữa.

★ *Bạn Nguyễn Liên, Phạm thế Hiền, Chánh Hưng.*

— Bộ « Hoàng Triều Hộ Luật » không có bản. Hiện nay các tòa án V.N. vẫn tra cứu.

— « Sử Trung-Hoa » đã xuất bản nhiều quyển, của nhiều tác giả. Bạn hỏi các hiệu sách lớn.

— Không có sách dạy về tài công hành giang và thuyền trưởng hàng hải.

— Thiêng liêng là tiếng Việt (tiếng nom) nên không có trong Hán-Việt tự điển.

Gần Đến kinh kỳ, Bần hàn đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống :

Lời Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm huốc Hoa-Việt
Saigon 228 | Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» | Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa,

Chê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà

hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**

30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** | Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÁU
ĐÂY, LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI.



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- * Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- * Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Giấy phép số 292 CDVIT/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM ĂN THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 20 đồng

Công sở : 25 đồng